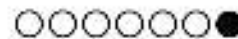




Mã nhận dạng 204183



Trang 1/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001_DH15CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD204 Giảng viên: Nguyễn Đức Khuyến

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử) Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15153001	Nguyễn Tài Anh	DH15CD		V		0	0	0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	15114001	Lê Bùi Hữu Ân	DH15GN				6	4,5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	15153002	Dương Ngọc Bảo	DH15CD				8	4,5	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	15154004	Hồ Văn Chí Bảo	DH15OT				10	3	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	DH15CD				8	2	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	15154007	Nguyễn Xuân Chính	DH15OT				10	5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	15115015	Nguyễn Tấn Cường	DH15GB				2	1	1,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	15115022	Trần Thị Kiều Diễm	DH15GN				10	3	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT				10	6	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	15153011	Ngô Phú Đỗ	DH15CD				10	4	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	15154016	Huỳnh Quang Dương	DH15OT				10	5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD				8	5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	15154020	Phạm Tấn Hải	DH15OT				10	5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD				6	4	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	15153020	Trịnh Hoàng Hào	DH15CD		V		4	0	1,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 204183



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001_DH15CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD204

Giảng viên: Nguyễn Đức Khuyến

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15153021	Đặng Trung Hậu	DH15CD				10	6	7,2	0012345678910	0123456789
17	15154022	Phan Phước Hiền	DH15OT				6	5	5,3	0012345678910	0123456789
18	15153022	Nguyễn Hoàng Hiệp	DH15CD				4	5,5	5,1	0012345678910	0123456789
19	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC				6	3	3,9	0012345678910	0123456789
20	15153023	Lê Trung Hiếu	DH15CD				8	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
21	15153025	Nguyễn Minh Hiếu	DH15CD				4	2	2,6	0012345678910	0123456789
22	15115052	Phạm Nguyễn Quỳnh Hoa	DH15GB				8	3	4,5	0012345678910	0123456789
23	15118037	Nguyễn Công Hòa	DH15CK				8	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
24	12154082	Nguyễn Thanh Hòa	DH12OT				2	4,5	4,8	0012345678910	0123456789
25	15115062	Quách Tố Hùng	DH15CB				6	3	3,9	0012345678910	0123456789
26	15154024	Hà Ngọc Huy	DH15OT				10	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
27	15115067	Huỳnh Tiến Huy	DH15GN				10	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
28	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC				6	3	3,9	0012345678910	0123456789
29	15115071	Phạm Diễm Kiều	DH15CB				10	5	6,5	0012345678910	0123456789
30	15137034	Phạm Thanh Long	DH15NL				10	6,5	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204183



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 001_DH15CD_01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi: 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: RD204

Giảng viên: Nguyễn Đức Khuyến

Lớp: DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15153033	Phạm Văn Long	DH15CD				8	6	6,6	0012345678910	0123456789
32	15153035	Võ Văn Long	DH15CD		V		4	0	4,2	0012345678910	0123456789
33	15153032	Huỳnh Tấn Lợi	DH15CD				10	3	5,1	0012345678910	0123456789
34	13115066	Trần Xuân Ly	DH13CB				10	9	9,3	0012345678910	0123456789
35	15153037	Lê Đức Mạnh	DH15CD				10	9	9,3	0012345678910	0123456789
36	15115092	Lê Nguyễn Nhật Minh	DH15GB				10	3	5,1	0012345678910	0123456789
37	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC				10	4	5,8	0012345678910	0123456789
38	15153040	Hồ Văn Nghĩa	DH15CD				10	6	7,2	0012345678910	0123456789
39	15153041	Bùi Hồng Ngọc	DH15CD				10	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
40	15153043	Nguyễn Văn Sơn	DH15CD				8	2	3,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 37. Số sinh viên vắng: 03

Ngày 18 Tháng 1 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

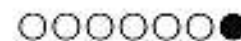
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Hải Đăng

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

 TS. Nguyễn Đức Khuyến



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH15CD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi PV400B

Giảng viên: Nguyễn Đức Khuyến

Lớp DH15GB (Công nghệ giấy và bột giấy)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15115111	Lưu Hoài Nhân	DH15GB	✓			0	0	0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15115112	Nguyễn Thị Hạnh	DH15GN	<i>Nguyễn Thị Hạnh</i>			10	2	4,4	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
3	15153044	Nguyễn Văn	DH15CD	<i>Nguyễn Văn</i>			10	2	4,4	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15115117	Nguyễn Kim	DH15GN	<i>Nguyễn Kim</i>			10	4	5,8	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
5	15154037	Huỳnh Trọng	DH15OT	<i>Huỳnh Trọng</i>			10	3,5	5,5	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
6	15153046	Phạm Huỳnh	DH15CD	<i>Phạm Huỳnh</i>			8	5	5,9	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●⑨
7	15153047	Mai Tấn	DH15CD	<i>Mai Tấn</i>			10	6,5	7,6	○①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨
8	15137039	Lê Nam	DH15NL	<i>Lê Nam</i>			4	4	4,0	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15153048	Đinh Hoàng	DH15CD	<i>Đinh Hoàng</i>			10	8	8,6	○①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨
10	14115224	Trần Hoài	DH14GN	<i>Trần Hoài</i>			6	3,5	4,3	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15115131	Phan Thị Kim	DH15GN	<i>Phan Thị Kim</i>			10	4	5,8	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
12	15153052	Nguyễn Trung Minh	DH15CD	<i>Nguyễn Trung Minh</i>			8	4	5,2	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15118086	K*	DH15CK	<i>K*</i>			4	2,5	3,0	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15154044	Nguyễn Vô Hoàng	DH15OT	<i>Nguyễn Vô Hoàng</i>			2	2	2,0	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15153056	Trần Tấn	DH15CD	<i>Trần Tấn</i>			10	8	8,9	○①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●⑨



Mã nhận dạng 204184



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH15CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi PV400B

Giảng viên: Nguyễn Đức Khuyến

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15153057	Đỗ Thành Tâm	DH15CD	Tâm			10	4	5,8	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
17	15115143	Ngô Thị Thanh Tâm	DH15CB	Thanh			8	4	5,2	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15153059	Lương Văn Tấn	DH15CD	V			2	0	0,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
19	12154021	Trần Văn Thắng	DH12OT	Thắng			4	5	4,8	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
20	15154055	Lưu Thanh Thiên	DH15OT	Thiên			6	5	5,3	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15153064	Nguyễn Hữu Thuận	DH15CD	Thuận			10	4	5,8	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
22	15115162	Vô Thanh Thúy	DH15GN	Thúy			10	1	3,8	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
23	15153065	Lê Văn Thuởng	DH15CD	Thuởng			10	4	5,2	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15153066	Phạm Văn Tiến	DH15CD	V			0	0	0,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15153067	Trương Văn Tịnh	DH15CD	Tịnh			8	2	3,8	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
26	15115169	Nguyễn Đức Toàn	DH15GN	Toàn			10	8	8,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
27	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD	Toàn			8	4	5,2	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	15118110	Vũ Công Toàn	DH15CK	Toàn			10	5	6,5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
29	15118112	Nguyễn Hữu Trí	DH15CC	Trí			10	6	6,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK	V			2	0	0,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 204184



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Sản phẩm vật liệu (207113) - 002_DH15CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi PV400B

Giảng viên: Nguyễn Đức Khuyến

Lớp DH15GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trung 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15115183	Đặng Thế Trung	DH15GN				2	1	1,3	00●2345678910	012●456789
32	15153071	Hồ Thái Trung	DH15CD				10	2	4,4	00123●5678910	0123●56789
33	15153072	Võ Văn Truyền	DH15CD				10	6	7,2	00123456●8910	01●3456789
34	15118123	Trần Thanh Tú	DH15CK				8	4	5,2	001234●678910	01●3456789
35	15154064	Mai Hoàng Tuấn	DH15OT				8	6	6,6	0012345●78910	012345●789
36	15153073	Nguyễn Anh Tuấn	DH15CD				10	5	6,5	0012345●78910	01234●6789
37	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DH15OT				4	1	1,9	00●2345678910	012345678●
38	11169011	Đinh Thị Thu Vân	DH11GN				10	3	5,6	001234●678910	0●23456789
39	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD				8	2	3,8	0012●45678910	01234567●9
40	15115204	Nguyễn Thị Thanh Xuân	DH15GB				10	6,5	7,6	00123456●8910	012345●789
41	15118139	Nguyễn Thành Ý	DH15CK				4	3	3,3	0012●45678910	012●456789

Số sinh viên dự thi: 37 Số sinh viên vắng: 04

Ngày 18 Tháng 1 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thanh Dũng

Cán bộ coi thi 2

Kiên Văn Hùng

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

B. Nguyễn Đức Khuyến

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 001_DH15NL_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD201 Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt) Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 ± %	D2 ± %	Đ.Số Đ.0	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL			-	1	0	1	0012345678910	0123456789
2	15137002	Võ Trường An	DH15NL			-	1.5	0	1.5	0012345678910	0123456789
3	13115148	Nguyễn Đức Anh	DH13CB			-	1.5	4	5.5	0012345678910	0123456789
4	15154001	Phạm Trọng Ân	DH15OT			-	2.7	6.3	9	0012345678910	0123456789
5	15153003	Đào Lưu Bình	DH15CD			-	3	2.5	6.5	0012345678910	0123456789
6	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT			-	2.4	6.3	8.7	0012345678910	0123456789
7	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT			-	1	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
8	13137036	Trần Khánh Duy	DH13NL			-	1.5	2.5	4	0012345678910	0123456789
9	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL			-	1.5	0	1.5	0012345678910	0123456789
10	15115031	Trương Thị Mỹ Duyên	DH15CB			-	2.5	0	2.5	0012345678910	0123456789
11	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK			-	2.1	0.5	2.6	0012345678910	0123456789
12	15153008	Lê Bá Tiến Đạt	DH15CD			-	2.5	0.5	3	0012345678910	0123456789
13	15154012	Vũ Công Đạt	DH15OT			-	1	0	1	0012345678910	0123456789
14	15118016	Phạm Hữu Định	DH15CK			-	2.5	2.5	5	0012345678910	0123456789
15	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL			-	1	1	2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204187



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 001_DH15NL_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD201

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT			1	2.2	5.8	8	00012345678910	0123456789
17	15137013	Nguyễn Trường Giang	DH15NL			0.5	1.5	6.3	8.3	00012345678910	0123456789
18	15153019	Nguyễn Nhật Hào	DH15CD			1	1.8	4.3	7.1	00012345678910	0023456789
19	15115044	Võ Thị Thúy Hằng	DH15GN				1.2	6.3	7.5	00012345678910	0123456789
20	15153018	Dương Thanh Hân	DH15CD			1	1.8	4.5	7.3	00012345678910	0123456789
21	15137019	Dương Thu Hiền	DH15NL				1.2	5	6.2	00012345678910	0123456789
22	15137022	Trần Văn Hoài	DH15NL				1.5	4	5.5	00012345678910	0123456789
23	13115232	Cáp Hữu Hùng	DH13CB				1.2	1	2.2	00012345678910	0123456789
24	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL				1.2	6	7.2	00012345678910	0123456789
25	15118041	Đỗ Quang Huy	DH15CK				1.2	6	7.2	00012345678910	0123456789
26	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL				1.2	0	1.2	00012345678910	0123456789
27	15118042	Nguyễn Văn Huy	DH15CC				2.5	0	2.5	00012345678910	0123456789
28	15115063	Lê Tấn Hưng	DH15CB				2.7	1.5	4.2	00012345678910	0123456789
29	15115066	Nguyễn Thị Thu Hương	DH15GN				1	2	3	00012345678910	0123456789
30	15154027	Lê Trịnh Bình Khiêm	DH15OT				1.5	5.5	7	00012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Sức bền vật liệu (207143) - 002 DHISNL 03

Sổ Tm Ch 3

Ngày Thi: 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp

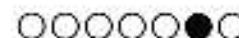
DHISNL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chức ký	Số tờ	D1 ± %	D2 36%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137032	Nguyễn Bách	Khoa	DH15NL	Khoa		2.4	3.8	6.2	0012345678910	0123456789
2	12154143	Lam Tấn	Kiệt	DH12OT	Kiệt		1.5	2.5	4	0012345678910	0123456789
3	15118049	Nguyễn Văn	Lâm	DH15CK	Lâm		1	1	2	0012345678910	0123456789
4	15115078	Võ Thị Thùy	Liên	DH15GN	Liên		1	1	2	0012345678910	0123456789
5	15154032	Nguyễn Hữu	Lộc	DH15OT	Huê		2.7	6	8.7	0012345678910	0123456789
6	15118052	Tráo An	Lộc	DH15CC	Tráo		2.5	3	5.5	0012345678910	0123456789
7	14153028	Bùi Vũ	Luân	DH14CD	Vũ		2.1	3	5.1	0012345678910	0123456789
8	14137048	Lê Thế	Lục	DH14NL	Lục		2.7	5	7.7	0012345678910	0123456789
9	15115091	Đình Công	Minh	DH15GN	M.T		1	0	1	0012345678910	0123456789
10	15118069	Võ Văn	Nam	DH15CK	Nam		1	0	1	0012345678910	0123456789
11	15154035	Vương Quốc	Nghĩa	DH15OT	Nghĩa		2.1	4	6.1	0012345678910	0123456789
12	15137036	Nguyễn Thái	Ngọc	DH15NL	Thái		2.5	2	4.5	0012345678910	0123456789
13	15137038	Nguyễn Văn	Nhiên	DH15NL	Như		1	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
14	15115120	Trần Thị Hồng	Nhung	DH15GN	Thị		2.2	4.8	7	0012345678910	0123456789
15	15118078	Nguyễn Tấn	Phát	DH15CK	Phát		1	2	3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204188



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Súc bền vật liệu (207113) - 002_DH15NL_03

Số Tin Ch. 3

Ngày Thi 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL	<i>Phong</i>			1.5	1	2.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13137105	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL	<i>phong</i>			2.1	0	2.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	15118080	Lê Nguyễn Vinh Phúc	DH15CK	<i>Phuc</i>			1	0	1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	15115129	Lê Anh Phương	DH15GB	<i>AL</i>			1	0	1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	15115135	Châu Ngọc Quốc	DH15GN							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	15154041	Nguyễn Minh Nhật Quyền	DH15OT	<i>Quy</i>			2.5	1.5	4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL	<i>Sang</i>			1	2.5	3.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	15118089	Lê Văn Song	DH15CK	<i>Song</i>			2.5	5.5	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	15154046	Đào Tuấn Tài	DH15OT	<i>Tai</i>			2.5	5.5	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	15118090	Huỳnh Quốc Tài	DH15CK	<i>Quai</i>			2.5	5	7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	15153055	Nguyễn Thái Tài	DH15CD	<i>Thai</i>			2.1	4	6.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	15118092	Bùi Trí Tâm	DH15CK	<i>Thi</i>			1.2	5.3	6.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL	<i>Thi</i>			1.5	5	6.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13137124	Vũ Đức Tấn	DH13NL	<i>Thi</i>			1.2	1.5	2.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL	<i>Thi</i>			2.4	1.8	4.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 204188



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Súc bền vật liệu (207113) - 002_DH15NL_03

Số Tin Ch. 3

Ngày Thi 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp

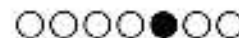
DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13115386	Nguyễn Thị Thanh	DH13CB	<i>Thanh</i>		1	1	3	5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	15137050	Phan Minh Thám	DH15NL	<i>Thám</i>			1	15	2.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	15118099	Huỳnh Nhật Thiện	DH15CK	<i>Thiện</i>			2.1	2	4.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	15115154	Trần Đức Thiện	DH15CB	<i>Thiện</i>			1	6	7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	15137055	Trần Ngọc Thiện	DH15NL	<i>Thiện</i>		0.5	1.8	0	2.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	15118102	Phạm Văn Thịnh	DH15CK	<i>Thịnh</i>			2.5	6.5	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
37	15115155	Dương Thị Hồng Thơ	DH15GN	<i>Thơ</i>			1	2.5	3.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI	<i>Thuận</i>		0.5	1.2	0.5	2.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	15115165	Lê Văn Tiến	DH15GB	<i>Tiến</i>			1	1.5	2.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	15137059	Phan Nhật Tiến	DH15NL	<i>Tiến</i>			1.2	4	5.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	15137060	Thái Minh Toàn	DH15NL	<i>Toàn</i>		1	1.5	4.5	7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	15154061	Lê Minh Trí	DH15OT	<i>Trí</i>			2.1	1	3.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	15115179	Đinh Thị Ngọc Trinh	DH15CB	<i>Trinh</i>			2.5	6	8.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	15137065	Lê Trung	DH15NL	<i>Trung</i>			1.5	5	6.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	15154062	Nguyễn Duy Trung	DH15OT	<i>Trung</i>			2.1	6	8.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 204188



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH15NL_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	15118121	Lê Quang Trường	DH15CK				1.8	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
47	15115187	Trần Bá Trường	DH15GN			-	2.5	0	2.5	0012345678910	0123456789
48	15118124	Bùi Anh Tuấn	DH15CK				2.1	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
49	15118125	Hồ Minh Tuấn	DH15CK				2.2	6.3	8.5	0012345678910	0123456789
50	15137068	Nguyễn Minh Tuấn	DH15NL				1.8	5	6.8	0012345678910	0123456789
51	15118130	Huỳnh Tấn Vãng	DH15CC				2.5	4	6.5	0012345678910	0123456789
52	15118129	Nguyễn Xuân Văn	DH15CK				1.8	6.3	8.1	0012345678910	0123456789
53	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT				2.5	4	6.5	0012345678910	0123456789
54	15154072	Trần Quốc Vy	DH15OT				2.5	5	7.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 53. Số sinh viên vắng: 0.1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

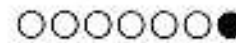
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Súc bền vật liệu (207113) - 001_DH15CK_05

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD106 Giảng viên:Đỗ Hữu Toàn

Lớp DH15CB (Chế biến lâm sản)

Trung I

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15115001	Ngô Văn An	DH15CB			1	8	3	3,6	0012●45678910	012345●789
2	15115003	Hoàng Công Anh	DH15CB			4	8	5	5,4	001234●678910	0123●56789
3	15154003	Nguyễn Đình Tuấn	DH15OT			2	8	6	5,6	001234●678910	012345●789
4	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK			2	7	3	3,6	0012●45678910	012345●789
5	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL			1	5	2	2,4	001●345678910	0123●56789
6	13137011	Nguyễn Thiên Ân	DH13NL			2	5	4	3,8	0012●45678910	01234567●9
7	13137013	Đặng Hoài Bảo	DH13NL			5	8	4	5	001234●678910	●123456789
8	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL			2	8	5	5	001234●678910	●123456789
9	15118006	Nguyễn Châu Bình	DH15CK			2	8	1	2,6	001●345678910	012345●789
10	15154006	K"	DH15OT			6	6	1	3	0012●45678910	●123456789
11	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL			5	8	1	3,2	0012●45678910	01●3456789
12	15115011	Lê Thị Nhã Ca	DH15GN			2	8	1	2,6	001●345678910	012345●789
13	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK			2	5	1	2	001●345678910	●123456789
14	15137006	Phạm Văn Chính	DH15NL			5	8	5	5,6	001234●678910	012345●789
15	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			5	8	2	3,8	0012●45678910	01234567●9



Mã nhận dạng 204185



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Súc bền vật liệu (207113) - 001_DH15CK_05

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD106 Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK			2	7	2	3	0012●45678910	●123456789
17	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK			2	8	3	3,8	0012●45678910	01234567●9
18	14115295	Hoàng Thị Duyên	DH14GB			4	6	5	5	001234●678910	●123456789
19	15154010	Lê Minh Đạt	DH15OT			6	6	7	6,6	0012345●78910	012345●789
20	15118015	Nguyễn Quốc Đạt	DH15CK			2	7	2	3	0012●45678910	●123456789
21	15154014	Nguyễn Văn Giang Đông	DH15OT			1	7	6	3,4	0012●45678910	0123●56789
22	15118019	Nguyễn Tấn Dũng	DH15CK			1	5	1	1,8	00●2345678910	01234567●9
23	13115027	Huỳnh Lập Đức	DH13CB			3	7	5	5	001234●678910	●123456789
24	15154021	Nguyễn Trung Hân	DH15OT			5	8	8	7,4	00123456●8910	0123●56789
25	15118040	Nguyễn Quang Hưng	DH15CK			4	6	5	5	001234●678910	●123456789
26	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL			2	8	3	3,8	0012●45678910	01234567●9
27	13137073	Nguyễn Hồng Khang	DH13NL			2	8	4	4,4	00123●5678910	0123●56789
28	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT			7	9	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
29	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT			2	8	2	3,2	0012●45678910	01●3456789
30	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK			1	8	1	2,4	001●345678910	0123●56789



Mã nhận dạng 204185



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Sứ bền vật liệu (207113) - 001_DH15CK_05

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD106 Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

Lớp DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13137079	Phan Đặng Tuấn	Khởi	DH13NL		1	7	3	3,4	001245678910	0123456789
32	15118046	Trần Văn	Khởi	DH15CK		2	8	5	5	0012345678910	0123456789
33	15118048	Nguyễn Văn	Lam	DH15CC		8	8	3	5	0012345678910	0123456789
34	15118054	Đặng Duy	Long	DH15CK		2	8	5	5	0012345678910	0123456789
35	15118055	Lê Thanh	Long	DH15CK		2	8	1	2,6	0012345678910	0123456789
36	15118056	Nguyễn Nhật	Long	DH15CK		2	8	3	3,8	0012345678910	0123456789
37	15118057	Nguyễn Thanh	Long	DH15CC		8	9	7	7,6	0012345678910	0123456789
38	12154142	Nguyễn Đoàn	Lộc	DH12OT		8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
39	13115272	Nguyễn Thị Kim	Luyến	DH13CB		2	6	3	3,4	0012345678910	0123456789
40	15118060	Phạm Văn	Mái	DH15CK		1	8	1	2,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 40. Số sinh viên vắng: 0.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH15CK_05

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi PV225 Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến hàng quân NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC			7	9	3	5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15118063	Lê Văn Minh	DH15CK							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC			2	7	1	2,4	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
4	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC			8	9	1	4	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15118068	Phạm Đức Nam	DH15CK			2	5	3	3,2	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK			2	5	6	5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13115296	Nguyễn Việt Ngọc	DH13CB			2	6	3	3,4	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
8	15118077	Nguyễn Minh Nhật	DH15CC			1	8	7	6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15118081	Trương Văn Phúc	DH15CK			7	9	5	6,2	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15153051	Nguyễn Anh Quân	DH15CD			2	5	3	3,2	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15154040	Nguyễn Thành Quý	DH15OT							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT			0	5	2	2,2	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15154043	Đặng Hoàng Sơn	DH15OT			5	9	2	4	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK			2	7	1	2,4	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
15	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL			1	8	3	3,6	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 204186



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH15CK_05

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi PV225 Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

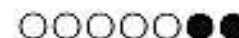
Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15153054	Nguyễn Sỹ	DH15CD			2	8	7	6,2	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15154048	Nguyễn Phúc	DH15OT			8	8	8	8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15154049	Nguyễn Thành	DH15OT							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	15118095	Dương Tấn	DH15CK			8	7	6	6,6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
20	15153062	Lâm Minh	DH15CD			2	7	2	3	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15154056	Nguyễn Đình	DH15OT							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15118101	Phạm Minh	DH15CK			8	9	6	7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15137056	Huỳnh Phúc	DH15NL			1	8	1	2,4	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
24	15115161	Nguyễn Thị Minh	DH15CB			8	7	1	3,6	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
25	15137058	Nguyễn Thành	DH15NL			1	8	3	3,6	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
26	15115167	Trần Thiện	DH15GN			2	4	1	1,8	○①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
27	15118109	Lưu Ngọc Anh	DH15CK			7	9	4	5,6	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
28	15118111	Trần Văn	DH15CK			2	8	5	5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	15115176	Nguyễn Thị Thùy	DH15GN			2	7	8	6,6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
30	15115171	Nguyễn Thị	DH15CB			8	7	1	3,6	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 204186



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH15CK_05

Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi: 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: PV225

Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

Lớp: DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15118115	Võ Minh Trí	DH15CK			1	7	3	3,4	0012●45678910	0123●56789
32	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC			8	8	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
33	15118120	Trần Nguyễn Quốc Trung	DH15CK			2	7	1	2,4	001●345678910	0123●56789
34	13137003	Nguyễn Tuấn Tú	DH13NL			2	8	1	2,6	001●345678910	012345●789
35	15154065	Nguyễn Anh Tuấn	DH15OT			2	7	7	6	0012345●78910	●123456789
36	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC			8	8	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
37	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT			2	7	6	5,4	001234●678910	0123●56789
38	15118127	Phan Xuân Tùng	DH15CK			2	8	5	5	001234●678910	●123456789
39	15118128	Hoàng Trung Tường	DH15CC			8	7	3	4,8	00123●5678910	01234567●9
40	12115115	Nguyễn Trí Viên	DH12GN			1	5	3	3	0012●45678910	●123456789
41	15118132	Phạm Thế Vinh	DH15CK			1	8	1	2,4	001●345678910	0123●56789
42	15118133	Đặng Hoàng Vũ	DH15CK			2	6	1	2,2	001●345678910	01●3456789
43	15118136	Đỗ Văn Vương	DH15CK			2	8	5	5	001234●678910	●123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001 DHISCC 06

Số Tín Ch 3

Nguyen Thi 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phone Thi RD401

Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

Lớp **DH15CK (Cơ khí nông lâm)**

Training 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118002	Phan Huỳnh Ân	DH15CK			6	7	3	4,4	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
2	15115013	Ngô Minh Chí	DH15CB			2	8	1	2,6	○●①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
3	15118009	Nguyễn Quốc Cường	DH15CK			5	6	1	2,8	○●①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
4	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			6	7	2	3,8	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
5	15118024	Nguyễn Văn Hoàng	DH15CC			7	8	2	4,2	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15118014	Châu Tấn Đạt	DH15CK			2	8	5	5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15115020	Nguyễn Văn Đạt	DH15CB			2	7	7	6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15153006	Phan Hữu Đăng	DH15CD			6	8	3	4,6	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
9	15118017	Đoàn Ngọc Đông	DH15CK			2	8	5	5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15154013	Nguyễn Bình Đông	DH15OT			6	9	3	4,8	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
11	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			4	8	4	4,8	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
12	15137015	Trương Hồng Hải	DH15NL							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15115039	Nguyễn Lê Ngọc Hân	DH15CB			2	7	3	3,6	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	15118030	Nguyễn Ngọc Hân	DH15CC			7	8	5	6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15137016	Lê Công Hậu	DH15NL			4	8	4	4,8	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨



Mã nhận dạng 204181



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Sứ bền vật liệu (207113) - 001_DH15CC_06

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD401

Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

Lớp DH11CB (Chuyên ngành Chế biến lâm sản)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	11115003	Võ Văn Hiền	DH11CB			2	8	1	2,6	001●345678910	012345●789
17	15118032	Ngô Đại Hiệp	DH15CK			5	8	2	3,8	0012●45678910	01234567●9
18	15115049	Nguyễn Đình Hiền	DH15CB			5	7	1	3	0012●45678910	●123456789
19	15153026	Nguyễn Trung	DH15CD			6	9	7	7,2	00123456●8910	01●3456789
20	15118035	Nguyễn Xuân	DH15CK			7	9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
21	15137020	Trần Võ Trọng	DH15NL			5	8	3	4,4	00123●5678910	0123●56789
22	15153028	Lê Huỳnh Khang	DH15CD			8	9	3	5,2	001234●678910	01●3456789
23	15118044	Huỳnh Quốc	DH15CC			5	8	5	5,6	001234●678910	012345●789
24	13118184	Võ Văn Khiêm	DH13CC			7	8	5	6	0012345●78910	●123456789
25	15115072	Lê Nguyễn Hoàng	DH15GN			5	7	3	4,2	00123●5678910	01●3456789
26	15115073	Trương Vĩnh	DH15CB			4	7	3	4	00123●5678910	●123456789
27	15154031	Nguyễn Hữu	DH15OT			2	8	7	6,2	0012345●78910	01●3456789
28	13115060	Trần Khánh	DH13CB			7	8	7	7,2	00123456●8910	01●3456789
29	15153034	Trần Minh	DH15CD			7	8	7	7,2	00123456●8910	01●3456789
30	15115086	Trần Văn	DH15GN			5	7	7	6,6	0012345●78910	012345●789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH15CC_06

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV103 Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

Lớp DH15CB (Chức hiển lâm sản)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15115087	Trần Văn Lộc	DH15CB			5	5	1	2,6	001●345678910	012345●789
2	15118053	Dặng Minh Lợi	DH15CC			6	9	1	3,6	0012●45678910	012345●789
3	15115090	Huỳnh Thị Hồng	DH15CB			3	7	5	5	001234●678910	●123456789
4	15137035	Bùi Công Minh	DH15NL			5	8	7	6,8	0012345●78910	01234567●9
5	15118066	Hoàng Văn Nam	DH15CK			2	6	4	4	00123●5678910	●123456789
6	15153039	Hồ Thị Thúy Nga	DH15CD			4	8	5	5,4	001234●678910	0123●56789
7	09154082	Nguyễn Văn Nghĩa	DH09OT17			5	7	6	6	0012345●78910	●123456789
8	15154036	Võ Khắc Hoàn	DH15OT			3	8	8	7	00123456●8910	●123456789
9	15115115	Đỗ Đình Nhất	DH15CB			5	7	3	4,2	00123●5678910	01●3456789
10	15137072	Nguyễn Quang Nhật	DH15NL			2	8	7	6,2	0012345●78910	01●3456789
11	15154039	Nguyễn Thanh Phong	DH15OT			6	9	1	3,6	0012●45678910	012345●789
12	15115130	Nguyễn Thị Hồng Phương	DH15GN			2	8	1	2,6	001●345678910	012345●789
13	15118083	Vũ Hải Quân	DH15CK			2	7	1	2,4	001●345678910	0123●56789
14	15118084	Bùi Quốc Qui	DH15CC			8	9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
15	15118085	Vũ Văn Quốc	DH15CC							●012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204182



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Súc bền vật liệu (207113) - 002_DH15CC_06

Số Tín Ch. 3

Ngày Thi 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

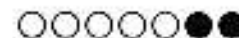
Lớp DH12GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	12115097	Trần Mạnh Quyết	DH12GN			6	8	1	3,4	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118239	Vân Công Sĩ	DH14CK			3	7	3	3,8	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
18	15154045	Trần Suker	DH15OT			8	9	7	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
19	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC			7	9	5	6,2	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK			6	8	7	7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH15OT							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15118097	Vũ Trung Thành	DH15CC			3	7	5	5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15115149	Đỗ Thị Thu Thảo	DH15CB			2	8	1	2,6	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
24	13115377	Nguyễn Ngọc Thảo	DH13CB			2	6	3	3,4	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
25	15154054	Nguyễn Văn Thảo	DH15OT			7	9	6	6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
26	15154053	Son Ngọc Thắng	DH15OT			7	9	5	6,2	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL			2	8	5	5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL			3	7	5	5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	15154057	Lê Minh Thiện	DH15OT			8	9	7	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
30	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL			7	9	6	6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨



Mã nhận dạng 204182



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH15CC_06

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV103 Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

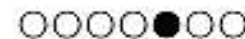
Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC			6	9	5	6	0012345●78910	●123456789
32	15115159	Huỳnh Thị Anh Thư	DH15CB			4	8	8	7,2	00123456●8910	01●3456789
33	15115164	Trần Tấn Tiên	DH15CB			3	7	1	2,6	001●345678910	012345●789
34	15118104	Hoàng Ngọc Tiến	DH15CK			3	8	7	6,4	0012345●78910	0123●56789
35	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC			8	9	1	4	00123●5678910	●123456789
36	15154060	Nguyễn Công Tình	DH15OT			7	9	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
37	15115168	Nguyễn Phước Tình	DH15CB			4	8	1	3	0012●45678910	●123456789
38	15115170	Nguyễn Quốc Toàn	DH15CB			5	8	5	5,6	001234●678910	012345●789
39	15115173	Lê Thị Thùy Trang	DH15GN			5	7	1	3	0012●45678910	●123456789
40	15115177	Võ Thị Huyền Trang	DH15GN							●012345678910	0123456789
41	15115178	Phạm Quang Tri	DH15GN			5	5	1	2,6	001●345678910	012345●789
42	15114177	Trần Minh Tri	DH15CB			5	7	1	3	0012●45678910	●123456789
43	15154063	Hồ Nhật Trùng	DH15OT			6	7	1	3,2	0012●45678910	01●3456789
44	15115189	Nguyễn Tuấn Tú	DH15CB			5	6	1	2,8	001●345678910	01234567●9
45	12344052	Phạm Chí Tuấn	CD12C1							●012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204182



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Sứ bền vật liệu (207113) - 002_DH15CC_06

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV103 Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

Lớp DH15CB (Chế biến lâm sản)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	15115193	Trần Minh Tuấn	DH15CB			5	7	3	4,2	0012345678910	0123456789
47	14118089	Nguyễn Nhật Tuyền	DH14CC			2	7	2	3	0012345678910	0123456789
48	15154069	Nguyễn Ngọc Văn	DH15OT			6	9	6	6,6	0012345678910	0123456789
49	15115196	Sý Thanh Văn	DH15CB			2	8	5	5	0012345678910	0123456789
50	15153074	Trương Khắc Viện	DH15CD			7	9	6	6,8	0012345678910	0123456789
51	15137070	Nguyễn Anh Vũ	DH15NL			5	8	4	5	0012345678910	0123456789
52	15118135	Bùi Nhật Vượng	DH15CC			8	8	5	6,2	0012345678910	0123456789
53	15118137	Nguyễn Quốc Vượng	DH15CK			5	5	5	5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 49 Số sinh viên vắng: 4

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N. V. Kiệp
K. Văn Tuấn
K. Văn Tuấn
Đỗ Hữu Toàn



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001_DH14CB_07

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD304 Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

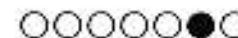
Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14115426	Lê Tấn Anh	DH14GN			3	7	1	2,6	001●345678910	012345●789
2	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK			5	9	6	6,4	0012345●78910	0123●56789
3	13115160	Trần Thanh Cẩm	DH13GN			3	5	1	2,2	001●345678910	01●3456789
4	13334023	Lê Tuấn Chiến	CD13C1			2	5	1	2	001●345678910	●123456789
5	10153085	Nguyễn Minh Chính	DH10CD							●012345678910	0123456789
6	13153063	Trần Văn Dương	DH13CD			2	8	1	2,6	001●345678910	012345●789
7	13115184	Nguyễn Hoàng Vi	DH13GN			3	2	1	1,6	00●2345678910	012345●789
8	14115178	Ngô Ngọc Đức	DH14GN			3	7	2	3,2	0012●45678910	01●3456789
9	13137053	Cao Gia Hân	DH13NL			6	9	7	7,2	00123456●8910	01●3456789
10	13115033	Vũ Thị Hiền	DH13CB			3	8	6	5,8	001234●678910	01234567●9
11	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK			3	6	1	2,4	001●345678910	0123●56789
12	14115314	Lê Thị Hoi	DH14GN			8	8	2	4,4	00123●5678910	0123●56789
13	14115045	Phạm Hồng Huệ	DH14GN			5	9	4	5,2	001234●678910	01●3456789
14	14115432	Tô Thị Huệ	DH14GN			8	9	4	5,8	001234●678910	01234567●9
15	12153082	Phạm Ngọc Đăng Huy	DH12CD			0	0	1	0,6	0●12345678910	012345●789



Mã nhận dạng 204179



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Sứ bền vật liệu (207113) - 001_DH14CB_07

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD304 Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15137024	Vũ Quang Hưng	DH15NL			2	8	1	2,6	001●34567890	012345●789
17	13153122	Mai Đức Hữu	DH13CD			3	4	1	2	001●34567890	●123456789
18	13115052	Nguyễn Phạm Phú Hữu	DH13CB			3	9	1	3	0012●4567890	●123456789
19	13334092	Nguyễn Văn Hữu	CD13CI			2	9	5	5,2	001234●67890	01●3456789
20	12154066	Trần Công Khang	DH12OT							●01234567890	0123456789
21	14118185	Hoàng Nguyễn Anh Khoa	DH14CK			2	5	1	2	001●34567890	●123456789
22	14115054	Hồ Ngọc Khoa	DH14CB			8	5	6	6,2	0012345●7890	01●3456789
23	13115056	Phạm Vũ Kiệt	DH13CB			3	7	6	5,6	001234●67890	012345●789
24	14118036	Nguyễn Thành Lê	DH14CC			3	5	3	3,4	0012●4567890	0123●56789
25	14115333	Phan Thùy Loan	DH14GN			6	9	5	6	0012345●7890	●123456789
26	12344080	Nguyễn Thành Lợi	CD12CI			3	7	1	2,6	001●34567890	012345●789
27	15118058	Nguyễn Thành Luân	DH15CK			2	9	9	7,6	00123456●890	012345●789
28	13334117	Nguyễn Công Lực	CD13CI			2	6	1	2,2	001●34567890	01●3456789
29	13115274	Phạm Đức Lương	DH13CB			3	8	1	2,8	001●34567890	01234567●9
30	13115067	Trần Ý Ly	DH13CB			3	9	8	7,2	00123456●890	01●3456789



Mã nhận dạng 204179



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Súc bền vật liệu (207113) - 001_DH14CB_07

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD304

Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14115339	Vô Thị Sao Mai	DH14GN			6	7	3	4,4	0012345678910	0123456789
32	14118200	Phạm Quang Nam	DH14CK			6	9	4	5,4	0012345678910	0123456789
33	13154039	Nguyễn Văn Nghĩa	DH13OT			5	9	1	3,4	0012345678910	0123456789
34	13115290	Trần Nguyễn Trọng Nghĩa	DH13GN			2	9	6	5,8	0012345678910	0123456789
35	14118206	Lê Từ Nguyên	DH14CC			6	8	6	6,4	0012345678910	0123456789
36	14118210	Nguyễn Minh Nhật	DH14CK							0012345678910	0123456789
37	13115315	Phạm Thị Huỳnh Như	DH13CB			6	5	1	2,8	0012345678910	0123456789
38	13115324	Trần Bảo Phong	DH13CB			4	6	5	5	0012345678910	0123456789
39	13118240	Huỳnh Hữu Phước	DH13CC							0012345678910	0123456789
40	13115339	Nguyễn Hữu Phước	DH13GN			5	5	5	5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 36 Số sinh viên vắng: 4

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Đức Cảnh

 Đào Duy Khuê

 TS. Nguyễn Thị Thanh

 Đỗ Hữu Toàn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH14CB_07

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi PV400A Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

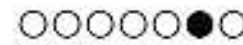
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC	<i>Phước</i>		3	7	5	5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14153044	Bùi Đức Phương	DH14CD	<i>Phước</i>		3	9	5	5,4	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC	<i>Phước</i>		5	9	5	5,8	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
4	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC	<i>Quang</i>		3	8	4	4,6	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
5	13138015	Vũ Bảo Quốc	DH13TD	<i>Quốc</i>		2	8	7	6,2	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	11138004	Dương Phước Phú	DH11CD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13138016	Ngô Tất Sang	DH13TD	<i>Sang</i>		2	8	8	6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
8	13115359	Nguyễn Ngọc Sang	DH13CB	<i>Sang</i>		5	5	5	5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14115231	Hoàng Đình Tài	DH14CB	<i>Tài</i>		8	9	5	6,4	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC	<i>Tài</i>		0	0	1	0,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
11	13138190	Trần Văn Tấn	DH13TD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13114492	Lê Đức Tây	DH13CB	<i>Tây</i>		0	0	5	3	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14154051	Nguyễn Trọng Thành	DH14OT	<i>Thành</i>		3	9	4	4,8	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
14	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD	<i>Thảo</i>		3	4	5	4,4	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
15	13115387	Trần Xuân Thắng	DH13GN	<i>Thắng</i>		8	7	3	4,8	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨



Mã nhận dạng 204180



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH14CB_07

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi PV400A Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

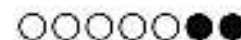
Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD			3	2	1	1,6	00●2345678910	012345●789
17	13115391	Vô Tấn Thiệu	DH13GN			6	9	8	7,8	00123456●8910	01234567●9
18	14115380	Vũ Đức Thịnh	DH14GN			6	6	1	3	0012●45678910	●123456789
19	13115394	Nguyễn Hữu Thọ	DH13CB			3	7	5	5	001234●678910	●123456789
20	12153173	Đoàn Lý Thuyết	DH12CD			2	2	1	1,4	00●2345678910	0123●56789
21	13115115	Văn Thị Hoàng Thư	DH13CB			5	5	5	5	001234●678910	●123456789
22	13115118	Lê Duy Thức	DH13CB			3	8	5	5,2	001234●678910	01●3456789
23	13115120	Nguyễn Thế Toàn	DH13CB							●012345678910	0123456789
24	14115440	Lê Thị Mui Trâm	DH14GN			3	9	5	5,4	001234●678910	0123●56789
25	14115142	Huỳnh Ngọc Công Trí	DH14GN			7	9	9	8,6	001234567●910	012345●789
26	13115127	Nguyễn Văn Đạt	DH13GN			6	8	1	3,4	0012●45678910	0123●56789
27	14115261	Huỳnh Minh Trọng	DH14CB			8	9	8	8,2	001234567●910	01●3456789
28	13115128	Nguyễn Hoàng Ngọc Trung	DH13CB			2	8	5	5	001234●678910	●123456789
29	13153246	Từ Sỹ Tiến	DH13CD			2	4	1	1,8	00●2345678910	01234567●9
30	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK			5	6	1	2,8	001●345678910	01234567●9



Mã nhận dạng 204180



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH14CB_07

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 05/01/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi PV400A

Giảng viên: Đỗ Hữu Toàn

Lớp

DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13153255	Lê Ngọc Triệu Tuấn	DH13CD	<i>Tuấn</i>		5	7	1	3	00012●45678910	●123456789
32	13115455	Vương Văn Tuấn	DH13GN	<i>Quang</i>		8	7	5	6	00012345●78910	●123456789
33	14115267	Cà Thị Kim Tuyền	DH14GN	<i>Tuyền</i>		6	9	1	3,6	00012●45678910	012345●789
34	13138249	Nguyễn Khánh Tường	DH13TD	<i>Tường</i>		3	4	7	5,6	0001234●678910	012345●789
35	14118308	Lê Trọng Văn	DH14CC							●0012345678910	0123456789
36	14115418	Đặng Trọng Quốc Việt	DH14GN	<i>Việt</i>		6	2	1	2,2	0001●345678910	01●3456789
37	12153164	Vô Xuân Vinh	DH12CD	<i>Quang</i>		2	4	1	1,8	00●2345678910	01234567●9
38	13115480	Trần Phan Thanh Vũ	DH13GN	<i>Phan</i>		2	4	6	4,8	000123●5678910	01234567●9
39	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK	<i>Phan</i>		4	8	6	6	00012345●78910	●123456789
40	14137100	Huỳnh Nhật Vy	DH14NL	<i>Phan</i>		3	7	5	5	0001234●678910	●123456789
41	13115143	Nguyễn Thế Vỹ	DH13CB	<i>Phan</i>		3	6	3	3,6	00012●45678910	012345●789

Số sinh viên dự thi: 37 Số sinh viên vắng: 04

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*Phan**Phan**Phan**Phan*

Nguyễn Văn Ngọc Thanh Nguyễn Thị Hồng Diệp

TS. Nguyễn Thị Hồng Diệp

Đỗ Hữu Toàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118004	Bảo Văn	Bảo	DH14CK	V					●●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118008	Nguyễn Đăng	Châu	DH14CK	Chau	4,5	7,5	4,5	5,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118114	Thái Văn	Chiến	DH14CC	V					●●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14153009	Lê Mạnh	Cường	DH14CD						●●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118122	Nguyễn	Cường	DH14CK	Cut	8,5	3	6,5	6,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118123	Nguyễn Ngọc	Cường	DH14CK						●●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14154080	Nguyễn Hoàng	Diễn	DH14OT						●●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14153070	Mai Thạch	Dũ	DH14CD	Dũ	8,5	2,5	7	6,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14153071	Thái Anh	Dũng	DH14CD	Dũng	8,5	3,5	8	7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118128	Nguyễn Văn	Duy	DH14CK	Ruy	4	5	6,5	5,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14137017	Chân Văn	Duyệt	DH14NL						●●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118131	Lê Văn	Dương	DH14CK	Dương	8	4	5,5	5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118136	Nguyễn Quốc	Dạt	DH14CC	Dat	8	8	8	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118016	Phạm Tấn	Dật	DH14CK						●●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14138048	Nguyễn Hữu	Hải	DH14TD						●●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14137034	Vô Trọng	Hiển	DH14NL						●●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118159	Phạm Tấn	Hiệp	DH14CK	He	7,5	8	7	7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	12154082	Nguyễn Thanh	Hòa	DH12OT	Ha	7,5	5	5,5	5,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK	<i>Hoàng</i>		10	3	5,5	3,5	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
20	14118164	Tôn Nhật Hoàng	DH14CK	<i>Hoàng</i>		8,5	5	6	6,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
21	14154094	Trần Thanh Hoàng	DH14OT	<i>Hoàng</i>		8,5	7	6	6,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
22	14154024	Nguyễn Phi Hùng	DH14OT	<i>Hùng</i>		9	7	8	8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
23	14118030	Nguyễn Đức Huy	DH14CK	<i>Huy</i>		8	6	6,5	6,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
24	14153094	Hứa Tiến Hưng	DH14CD	<i>Hưng</i>		8,5	2,5	7	6,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
25	14118186	Phạm Anh Khoa	DH14CK	<i>Khoa</i>		8,5	5	7,5	7,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
26	14118187	Nguyễn Hữu Khôi	DH14CC	<i>Khôi</i>		3,5	5	9	6,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
27	14153025	Phạm Thanh Lâm	DH14CD	<i>Lâm</i>		9	2,5	9	7,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
28	14154032	Nguyễn Văn Hoàng Long	DH14OT		V					○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
29	14153027	Nguyễn Phan Lợi	DH14CD	<i>Lợi</i>		8	6	8	7,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
30	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK	<i>Minh</i>		9	8,5	9	8,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
31	14154119	Nguyễn Văn Minh	DH14OT	<i>Minh</i>		8,5	9	7,5	8,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
32	14153035	Đặng Thành Nghĩa	DH14CD		V					○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
33	14118207	Nguyễn Lê Nguyễn	DH14CK	<i>Nguyễn</i>		4,5	5	7	5,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
34	14154131	Nguyễn Tấn Phát	DH14OT	<i>Phát</i>		8,5	8	6	7,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
35	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CK	<i>Phi</i>		9	7,5	7,5	7,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
36	13154042	Nguyễn Văn Phi	DH13OT	<i>Phi</i>		10	10	9,5	9,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK			8,5	6	9	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	14138023	Lê Hoàng Phúc	DH14TD			8	7	8	7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC			8	5	6,5	6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	14118056	Đinh Hồng Quân	DH14CK		✓					○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK		✓					○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	14118059	Lê Văn Quyền	DH14CC			8	7	8,5	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	14154137	Đỗ Tiến Quỳnh	DH14OT			9	8	7,5	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	14153045	Võ Xuân Quỳnh	DH14CD			8,5	2	5,5	5,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC			9	5	8,5	7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK			8	3	6,5	6,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	14118062	Đỗ Văn Tài	DH14CK			7,5	4	5	5,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	14153125	Lưu Đức Thái	DH14CD		✓					○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
49	14118249	Phạm Châu Thanh	DH14CK			8	6	7,5	7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	14154060	Tăng Quốc Tiến	DH14OT		✓					○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	14118078	Nguyễn Công Trọng	DH14CC			8	4	7	6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	14118284	Nguyễn Đức Trọng	DH14CK		✓					○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	14118292	Nguyễn Tấn Truyền	DH14CK			7	4	4	4,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	14137088	Huỳnh Văn Trường	DH14NL		✓					○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
55	14137089	Đinh Như Tuấn	DH14NL		✓					②①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD	Tùng		9	2,5	5,5	5,6	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	14118305	Trương Thanh Tùng	DH14CK	Tùng		4	7	10	7,8	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC			8	7	6,5	7,0	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK			8,5	5	7,5	7,1	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	14118095	Nguyễn Quốc Vương	DH14CK			7,5	4	5	5,4	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

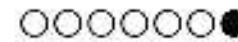
Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Hải Đăng


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


Nguyễn Hải Đăng


Phạm Quang Thắng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Vật liệu phi kim loại (207120) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 31/12/2016 - Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV103 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP) Trung 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 1c %	D2 2c %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118070	Lê Hồng Anh	DH13CC			1,0	2,5	1,5	4,7	00012345678910	00123456789
2	14118002	Lê Văn Thế Anh	DH14CC			1,0	2,5	3,3	6,8	00012345678910	00123456789
3	14118104	Nguyễn Tấn Bảo	DH14CC							00012345678910	00123456789
4	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC			1,0	2,2	1,5	4,7	00012345678910	00123456789
5	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC			1,0	2,5	4,8	8,3	00012345678910	00123456789
6	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC			1,0	2,3	0,0	3,3	00012345678910	00123456789
7	13118005	Đỗ Thành Chung	DH13CC			1,0	2,3	2,4	5,7	00012345678910	00123456789
8	14118118	Phạm Đức Công	DH14CC			1,0	2,3	4,2	7,5	00012345678910	00123456789
9	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC			1,0	2,3	2,1	5,4	00012345678910	00123456789
10	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC			1,0	2,5	1,8	5,3	00012345678910	00123456789
11	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC			1,0	2,5	4,2	7,7	00012345678910	00123456789
12	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC			1,0	2,5	2,7	6,2	00012345678910	00123456789
13	14118014	Nguyễn Bảo Dâm	DH14CC			1,0	2,5	4,8	8,3	00012345678910	00123456789
14	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC			1,0	2,5	1,5	5,0	00012345678910	00123456789
15	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			1,0	2,3	3,0	6,3	00012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 204189



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Vật liệu phi kim loại (207120) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 31/12/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV103 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC			1,0	2,3	2,7	6,0	001234567890	0123456789
17	13118012	Trần Vũ Tài Đức	DH13CC							001234567890	0123456789
18	14118019	Nguyễn Hùng	DH14CC			1,0	2,2	1,2	4,4	001234567890	0123456789
19	12118033	Đỗ Văn Hải	DH12CC			1,0	2,5	2,4	5,9	001234567890	0123456789
20	13118014	Bùi Văn Hào	DH13CC			1,0	2,5	3,9	7,4	001234567890	0123456789
21	14118154	Lê Doãn Hào	DH14CC			1,0	2,5	4,8	8,3	001234567890	0123456789
22	14118160	Vô Đức Hiệp	DH14CC			1,0	2,5	2,7	6,2	001234567890	0123456789
23	13118138	Nguyễn Văn Hiếu	DH13CC			1,0	2,3	3,6	6,9	001234567890	0123456789
24	14118167	Nguyễn Văn Hóa	DH14CC			1,0	2,5	2,7	6,2	001234567890	0123456789
25	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC			1,0	2,3	1,8	5,1	001234567890	0123456789
26	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC			1,0	2,3	1,8	5,1	001234567890	0123456789
27	14118178	Trần Ngọc Hưng	DH14CC			1,0	2,5	3,6	7,1	001234567890	0123456789
28	14118181	Phạm Duy Khanh	DH14CC			1,0	2,5	0,0	3,5	001234567890	0123456789
29	13118180	Nguyễn Hồng	DH13CC							001234567890	0123456789
30	13118184	Vô Văn Khiêm	DH13CC			1,0	2,5	3,3	6,8	001234567890	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vật liệu phi kim loại (207120) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 31/12/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV103 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118187	Nguyễn Hữu	Khôi	DH14CC	Khôi	1,0	2,5	2,1	5,6	001234567890	0123456789
32	13118022	Trần Anh	Kiệt	DH13CC	Kiệt	1,0	2,5	2,7	6,2	001234567890	0123456789
33	13118023	Đoàn Nguyễn Anh	Kim	DH13CC	Anh	1,0	2,5	4,8	8,3	001234567890	0123456789
34	14118036	Nguyễn Thành	Lễ	DH14CC	Thành	1,0	2,3	3,7	7,0	001234567890	0123456789
35	14118040	Hoàng Vương	Nam	DH14CC	Nam	1,0	2,2	3,9	7,1	001234567890	0123456789
36	14118206	Lê Từ	Nguyễn	DH14CC	Từ	1,0	2,2	0,6	3,8	001234567890	0123456789
37	14118045	Trần Trọng	Nhân	DH14CC	Trọng	1,0	2,2	2,7	5,9	001234567890	0123456789
38	14118046	Nguyễn Phúc Bảo	Nhi	DH14CC	Bảo	1,0	2,5	3,0	6,5	001234567890	0123456789
39	14118047	Nguyễn Hữu	Phát	DH14CC	Hữu	1,0	2,2	1,5	4,7	001234567890	0123456789
40	14118215	Vô Tấn	Phát	DH14CC	Tấn	1,0	2,5	1,5	5,0	001234567890	0123456789
41	14118048	Bùi Hoàng	Phong	DH14CC	Hoàng	1,0	2,2	0,0	3,2	001234567890	0123456789
42	14118222	Nguyễn Thành	Phuong	DH14CC	Thành	1,0	2,2	0,3	3,5	001234567890	0123456789
43	14118234	Nguyễn Thiện	Quang	DH14CC	Thiện	1,0	2,5	1,2	4,7	001234567890	0123456789
44	14118059	Lê Văn	Quyển	DH14CC	Văn	1,0	2,5	2,4	5,9	001234567890	0123456789
45	14118238	Trương Tuấn	Sang	DH14CC	Tuấn	1,0	2,5	4,2	7,7	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204189



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vật liệu phi kim loại (207120) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 31/12/2016 - Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV103 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

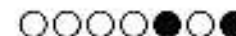
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC			1,0	2,5	3,0	6,5	0012345678910	0123456789
47	13118257	Vũ Tuấn Sơn	DH13CC			1,0	2,3	4,5	7,8	0012345678910	0123456789
48	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC			1,0	2,3	3,0	6,3	0012345678910	0123456789
49	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC			1,0	2,5	5,2	9,2	0012345678910	0123456789
50	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC			1,0	2,5	3,3	6,8	0012345678910	0123456789
51	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC			1,0	2,5	2,1	5,6	0012345678910	0123456789
52	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC			1,0	2,5	1,2	4,7	0012345678910	0123456789
53	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC			1,0	2,2	0,6	3,8	0012345678910	0123456789
54	13118365	Trần Văn Tịnh	DH13CC			1,0	2,3	3,6	6,9	0012345678910	0123456789
55	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC			1,0	2,5	2,4	5,9	0012345678910	0123456789
56	14118076	Nguyễn Văn Toàn	DH14CC			1,0	2,2	0,6	3,8	0012345678910	0123456789
57	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC			1,0	2,5	3,0	6,5	0012345678910	0123456789
58	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC			1,0	2,5	4,2	7,7	0012345678910	0123456789
59	14118092	Nguyễn Hoàng Anh Tú	DH14CC			1,0	2,5	2,4	5,9	0012345678910	0123456789
60	14118296	Nguyễn Duy Tuấn	DH14CC			1,0	2,3	1,2	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204189



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vật liệu phi kim loại (207120) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 31/12/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV103 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 10%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC			1,0	2,5	2,4	5,9	0012345678910	0123456789
62	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			1,0	2,5	3,6	6,5	0012345678910	0123456789
63	12118101	Nguyễn Thanh Tùng	DH12CC			1,0	2,3	3,9	7,2	0012345678910	0123456789
64	14118089	Nguyễn Nhật Tuyền	DH14CC			1,0	2,5	0,0	3,5	0012345678910	0123456789
65	13118347	Mai Hoài Tự	DH13CC			1,0	2,3	4,5	7,8	0012345678910	0123456789
66	09119040	Nguyễn Hùng Vinh	DH09CC17			1,0	2,5	0,5	4,0	0012345678910	0123456789
67	12118105	Nguyễn Thanh Vinh	DH12CC			0,0	2,3	2,7	5,0	0012345678910	0123456789
68	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC			1,0	2,3	2,7	6,0	0012345678910	0123456789
69	14118094	Lê Minh Võ	DH14CC			1,0	2,5	1,5	5,0	0012345678910	0123456789
70	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC			1,0	2,3	2,4	5,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 67. Số sinh viên vắng: 3

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Phong

Lê Văn Tuấn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Thanh Phong

Phạm Quang Thắng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH14CD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD401

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm An	DH14CK			1,0	1,8	1,2	4,0	001234567890	0123456789
2	14153001	Nguyễn Tuấn Anh	DH14CD			1,0	1,8	3,3	6,1	001234567890	0123456789
3	14153065	Lê Ngọc Ân	DH14CD			1,0	1,5	2,1	4,6	001234567890	0123456789
4	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK			1,0	1,7	3,9	6,6	001234567890	0123456789
5	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC			1,0	1,5	3,3	5,8	001234567890	0123456789
6	14118108	Trần Văn Bón	DH14CK			1,0	1,7	2,4	5,1	001234567890	0123456789
7	10153085	Nguyễn Minh Chính	DH10CD	✓		0,0	0,0			001234567890	0123456789
8	14153007	Phạm Hòa Chính	DH14CD			1,0	2,4	1,8	5,2	001234567890	0123456789
9	14154077	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT			1,0	2,1	2,4	5,5	001234567890	0123456789
10	14153070	Mai Thạch Dũ	DH14CD			1,0	1,8	1,3	4,3	001234567890	0123456789
11	14153071	Thái Anh Dũng	DH14CD			1,0	1,7	1,2	3,9	001234567890	0123456789
12	14137016	Trần Thanh Duy	DH14NL			1,0	1,7	1,8	4,5	001234567890	0123456789
13	14118132	Nguyễn Võ Tri Dương	DH14CK			1,0	2,4	1,5	4,9	001234567890	0123456789
14	14153075	Đỗ Minh Đế	DH14CD			1,0	1,8	3,0	5,8	001234567890	0123456789
15	14154013	Trương Nhựt Điền	DH14OT			1,0	1,8	3,0	5,8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204190



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DHI4CD_01

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi: 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: RD401

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp: DHI4TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14138047	Lương Hồng Đông	DHI4TD			1,0	2,1	4,2	7,3	001234567890	0123456789
17	14118148	Cao Thanh	DHI4CC			1,0	2,4	2,1	5,5	001234567890	0123456789
18	14118149	Hà Văn	DHI4CC			1,0	2,1	1,8	4,9	001234567890	0123456789
19	14153014	Hồ Đức	DHI4CD			1,0	2,1	0,9	4,0	001234567890	0123456789
20	14154017	Lê Minh	DHI4OT							001234567890	0123456789
21	14154091	Nguyễn Văn	DHI4OT							001234567890	0123456789
22	14153015	Đặng Đình	DHI4CD			1,0	1,8	1,5	4,3	001234567890	0123456789
23	14154020	Vũ Anh	DHI4OT			1,0	1,8	3,3	6,1	001234567890	0123456789
24	14153085	Huỳnh Thanh	DHI4CD			1,0	1,5	2,7	5,2	001234567890	0123456789
25	14153086	Nguyễn Xuân	DHI4CD			1,0	1,5	1,5	4,0	001234567890	0123456789
26	14153088	Nguyễn Văn	DHI4CD			1,0	1,8	2,4	5,2	001234567890	0123456789
27	14118164	Tôn Nhật	DHI4CK			1,0	1,8	1,8	4,6	001234567890	0123456789
28	14118030	Nguyễn Đức	DHI4CK			1,0	2,4	1,8	5,2	001234567890	0123456789
29	14154022	Nguyễn Khánh	DHI4OT			1,0	1,8	2,1	4,9	001234567890	0123456789
30	14153094	Hứa Tiến	DHI4CD			1,0	2,4	5,4	8,8	001234567890	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH14CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD301

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK			1,0	2,4	2,1	5,5	001234567890	0123456789
2	14153021	Mai Thế Kiệt	DH14CD			1,0	1,8	3,0	5,8	001234567890	0123456789
3	14153024	Ngô Tường Lâm	DH14CD			1,0	2,4	4,9	4,3	001234567890	0123456789
4	14154030	Đỗ Đức Linh	DH14OT			1,0	1,8	1,5	4,3	001234567890	0123456789
5	14154116	Trịnh Đình Linh	DH14OT	✓						001234567890	0123456789
6	14154119	Nguyễn Văn Minh	DH14OT			1,0	1,8	4,5	7,3	001234567890	0123456789
7	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD			1,0	1,8	3,3	6,1	001234567890	0123456789
8	14118200	Phạm Quang Nam	DH14CK			1,0	1,8	1,8	4,6	001234567890	0123456789
9	14153035	Đặng Thành Nghĩa	DH14CD	✓						001234567890	0123456789
10	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DH14CK			1,0	2,1	2,7	5,8	001234567890	0123456789
11	14153037	Lê Trung Nhân	DH14CD			1,0	2,1	3,0	6,1	001234567890	0123456789
12	14153038	Lưu Thế Nhân	DH14CD			1,0	2,1	3,0	6,1	001234567890	0123456789
13	14153039	Nguyễn Văn Nhân	DH14CD			1,0	2,1	3,3	6,4	001234567890	0123456789
14	14154130	Vương Ninh	DH14OT			1,0	2,1	1,5	4,6	001234567890	0123456789
15	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC			1,0	2,1	1,5	4,6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204191



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH14CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD301

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

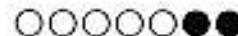
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14153044	Bùi Đức Phương	DH14CD			1,0	1,2	2,1	4,3	001234567890	0123456789
17	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC			1,0	2,1	1,2	4,3	001234567890	0123456789
18	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK			1,0	1,5	2,1	4,6	001234567890	0123456789
19	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK			1,0	2,1	1,5	4,6	001234567890	0123456789
20	14118240	Trịnh Văn Sơn	DH14CK			1,0	2,4	2,1	5,5	001234567890	0123456789
21	14153117	Phạm Quốc Sỹ	DH14CD			1,0	2,4	3,6	7,0	001234567890	0123456789
22	14118062	Đỗ Văn Tài	DH14CK			1,0	1,8	3,6	5,4	001234567890	0123456789
23	14153049	Nguyễn Thanh Tâm	DH14CD			1,0	1,2	0,3	2,5	001234567890	0123456789
24	14153125	Lưu Đức Thái	DH14CD			1,0	1,8	2,4	5,2	001234567890	0123456789
25	14138091	Dương Thanh Thảo	DH14TD			1,0	1,8	0,9	3,7	001234567890	0123456789
26	14137071	Đỗ Việt Thắng	DH14NL			0,0				001234567890	0123456789
27	14154053	Võ Hoàng Thắng	DH14OT			1,0	1,8	1,2	4,0	001234567890	0123456789
28	14118067	Nguyễn Kiều Minh	DH14CK							001234567890	0123456789
29	14137074	Nguyễn Mậu Thiệt	DH14NL			1,0	1,8	1,8	4,6	001234567890	0123456789
30	14153050	Nguyễn Phú Thịnh	DH14CD			1,0	2,4	1,8	5,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204191



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH14CD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD301

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118267	Nguyễn Hoàng Thống	DH14CK	✓						001234567890	0123456789
32	14154057	Ôn Hoa Thu	DH14OT	<i>Thu</i>		1,0	2,1	0,9	4,0	001234567890	0123456789
33	14154058	Lê Đình Thuận	DH14OT	<i>Thu</i>		1,0	2,4	2,4	5,8	001234567890	0123456789
34	14153052	Phan Minh Thuận	DH14CD	<i>Thu</i>		1,0	1,5	3,5	6,4	001234567890	0123456789
35	14154059	Phạm Văn Thúc	DH14OT	<i>Thuc</i>		1,0	1,8	0,9	3,7	001234567890	0123456789
36	14154060	Tăng Quốc Tiến	DH14OT	<i>Tien</i>		1,0	1,7	1,5	4,2	001234567890	0123456789
37	14118284	Nguyễn Đức Trọng	DH14CK	<i>Trong</i>		1,0	2,0	2,1	5,1	001234567890	0123456789
38	14118084	Ngô Văn Trung	DH14CK	✓						001234567890	0123456789
39	13138233	Trương Minh Trung	DH14TD	✓						001234567890	0123456789
40	14118086	Nguyễn Công Truyền	DH14CK	<i>Truyen</i>		1,0	2,1	0,9	4,0	001234567890	0123456789
41	14153140	Nguyễn Mạnh Tuấn	DH14CD	<i>Tuan</i>		1,0	2,7	2,7	6,4	001234567890	0123456789
42	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD	<i>Tuan</i>		1,0	2,1	2,1	5,2	001234567890	0123456789
43	14118304	Phạm Thanh Tùng	DH14CK	<i>Tung</i>		1,0	1,4	2,4	4,8	001234567890	0123456789
44	14118305	Trương Thanh Tùng	DH14CK	<i>Tung</i>		1,0	1,2	2,4	4,6	001234567890	0123456789
45	14118308	Lê Trọng Văn	DH14CC	✓						001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204191



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH14CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD301

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	14153062	Trịnh Thành Việt	DH14CD			1,0	2,1	4,2	7,3	0012345678910	0123456789
47	14118093	Trần Phước Vinh	DH14CK			1,0	1,8	2,1	4,9	0012345678910	0123456789
48	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK							0012345678910	0123456789
49	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK			1,0	2,7	3,0	6,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 40 Số sinh viên vắng: 09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

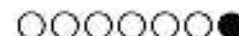
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH15TD_02**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD201

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp

DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138001	Trương Văn An	DH15TD			1,0	1,2	2,2	4,9	001234567890	0123456780
2	15138002	Bùi Thị Vân	DH15TD			1,0	2,7	3,6	7,3	001234567890	0123456780
3	15137003	Chú Đặng Quốc	DH15NL			1,0	2,7	3,6	7,3	001234567890	0123456780
4	15154005	Phạm Quốc Bảo	DH15OT			1,0	2,7	4,2	7,9	001234567890	0123456780
5	15138005	Dương Vũ Bình	DH15TD			0,0	1,4	0,3	1,7	001234567890	0123456780
6	15138006	Nguyễn Văn Bình	DH15TD			1,0	2,4	4,2	7,6	001234567890	0123456780
7	14153067	Nguyễn Khắc Bổng	DH14CD			1,0	2,4	2,1	5,5	001234567890	0123456780
8	15138007	Trương Thành Cua	DH15TD			1,0	2,7	1,5	4,2	001234567890	0123456780
9	15138010	Đặng Xuân Danh	DH15TD			1,0	1,5	2,1	4,6	001234567890	0123456780
10	15138018	Nguyễn Hữu Duy	DH15TD			1,0	1,5	0,6	3,1	001234567890	0123456780
11	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	DH15TD			1,0	0,0	0,3	1,3	001234567890	0123456780
12	15118024	Nguyễn Văn Hoàng Dương	DH15CC			1,0	1,5	0,3	2,8	001234567890	0123456780
13	15138013	Phạm Thành Đạt	DH15TD			1,0	1,5	2,1	4,6	001234567890	0123456780
14	15138011	Quách Tiến Đạt	DH15TD			1,0	2,4	2,1	5,5	001234567890	0123456780
15	15138008	Huỳnh Tuấn Hải Đăng	DH15TD			1,0	3,0	4,2	8,2	001234567890	0123456780



Mã nhận dạng 204194



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH15TD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD201

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15118016	Phạm Hữu Định	DH15CK			1,0	2,4	0,3	3,7	001234567890	0123456789
17	15138014	Trương Công Định	DH15TD			1,0	2,7	4,5	8,2	001234567890	0123456789
18	15138015	Lê Phan Nguyễn Thọ	DH15TD			0,0	1,5	0,6	2,1	001234567890	0123456789
19	15138023	Nguyễn Thế Hiền	DH15TD			1,0	2,4	0,3	3,7	001234567890	0123456789
20	15138025	Bùi Trọng Hiếu	DH15TD			1,0	1,5	0,9	3,4	001234567890	0123456789
21	15138074	Phạm Lê Thanh Hòa	DH15TD	✓	✓					001234567890	0123456789
22	15138026	Ngô Văn Hoàn	DH15TD			1,0	1,5	1,5	4,0	001234567890	0123456789
23	15138028	Nguyễn Hoàng Gia Huy	DH15TD	✓	✓					001234567890	0123456789
24	15137029	Phạm Đăng Huy	DH15NL			1,0	1,2	2,7	4,9	001234567890	0123456789
25	15138029	Đào Hữu Huỳnh	DH15TD			1,0	1,2	1,8	4,0	001234567890	0123456789
26	15138027	Bùi Hữu Hưng	DH15TD			1,0	1,5	1,8	4,3	001234567890	0123456789
27	15138030	Nguyễn Duy Kha	DH15TD			1,0	1,2	1,8	4,0	001234567890	0123456789
28	15137031	Nguyễn Hữu Kha	DH15NL			1,0	2,7	1,8	5,5	001234567890	0123456789
29	15138031	Nguyễn Mạnh Khải	DH15TD			1,0	1,5	1,5	4,0	001234567890	0123456789
30	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC			0,0	1,8	0,9	2,7	001234567890	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH15TD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118181	Phạm Duy Khanh	DH14CC			1,0	2,7	3,9	7,6	00012345678910	0123456789
2	13137079	Phan Đặng Tuấn	DH13NL			0,8	1,8	1,2	3,8	00012345678910	0123456789
3	15138033	Lê Võ Trung	DH15TD			1,0	2,0	2,7	5,7	00012345678910	0123456789
4	15118048	Nguyễn Văn Lâm	DH15CC			1,0	1,8	0,9	3,7	00012345678910	0123456789
5	15138035	Phạm Hồng Linh	DH15TD			1,0	1,8	0,0	2,8	00012345678910	0123456789
6	15118054	Đặng Duy Long	DH15CK			1,0	1,5	2,4	4,9	00012345678910	0123456789
7	15118055	Lê Thanh Long	DH15CK			1,0	2,7	2,4	6,1	00012345678910	0123456789
8	15138038	Nguyễn Hoàng Long	DH15TD			1,0	1,5	1,8	4,3	00012345678910	0123456789
9	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC			1,0	2,4	3,3	6,7	00012345678910	0123456789
10	15138036	Huỳnh Tấn Lộc	DH15TD			1,0	1,5	2,4	4,9	00012345678910	0123456789
11	15138039	Nguyễn Hồ Tấn Lực	DH15TD			0,8	2,7	2,7	6,2	00012345678910	0123456789
12	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC			1,0	2,6	0,9	4,5	00012345678910	0123456789
13	15138041	Trương Đức Minh	DH15TD			1,0	1,5	2,1	4,6	00012345678910	0123456789
14	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT			1,0	1,5	3,9	6,4	00012345678910	0123456789
15	15118066	Hoàng Văn Nam	DH15CK			1,0	2,7	1,5	5,2	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204195



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH1STD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

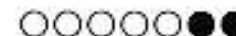
Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC			1,0	2,7	1,2	4,9	0012345678910	0123456789
17	15138043	Trần Thành Nghĩa	DH15TD			1,0	1,8	2,4	5,2	0012345678910	0123456789
18	15153041	Bùi Hằng Ngọc	DH15CD			1,0	2,4	3,3	6,7	0012345678910	0123456789
19	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC			1,0	2,7	3,9	7,6	0012345678910	0123456789
20	15138045	Bùi Minh Nhật	DH15TD			1,0	1,2	3,3	5,5	0012345678910	0123456789
21	15138046	Lê Minh Nhật	DH15TD			1,0	1,5	2,7	5,2	0012345678910	0123456789
22	15138048	Phạm Thanh Phong	DH15TD			0,8	2,7	4,5	8,0	0012345678910	0123456789
23	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD			1,0	0,0	0,3	1,3	0012345678910	0123456789
24	15118084	Bùi Quốc Quý	DH15CC			1,0	2,4	3,3	6,7	0012345678910	0123456789
25	15138052	Nguyễn Quốc Quyền	DH15TD			1,0	1,5	0,0	2,5	0012345678910	0123456789
26	15138053	Vũ Tiến Sung	DH15TD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
27	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD			1,0	1,5	4,2	6,7	0012345678910	0123456789
28	15138055	Nguyễn Tiến Sỹ	DH15TD							0012345678910	0123456789
29	15138056	Dương Thành Tâm	DH15TD			1,0	1,7	2,7	5,4	0012345678910	0123456789
30	15138057	Nguyễn Minh Tâm	DH15TD							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204195



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH15TD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

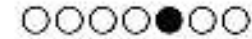
Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 t. %	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL			1,0	2,1	3,0	6,1	0012345678910	0123456789
32	15138059	Phạm Hồng Thái	DH15TD			1,0	1,5	1,2	3,7	0012345678910	0123456789
33	15138060	Lê Quốc Thắng	DH15TD			1,0	1,2	0,9	3,1	0012345678910	0123456789
34	15138061	Phan Thị Mạnh Thắng	DH15TD			1,0	2,1	1,8	4,9	0012345678910	0123456789
35	15138062	Nguyễn Hữu Thiên	DH15TD			1,0	1,8	1,2	3,0	0012345678910	0123456789
36	15138063	Trần Duy Thiệu	DH15TD			1,0	2,1	2,4	5,5	0012345678910	0123456789
37	15138064	Nguyễn Phước Toàn	DH15TD			1,0	1,5	3,3	5,8	0012345678910	0123456789
38	15138065	Nguyễn Tấn Thịnh	DH15TD			1,0	1,2	0,9	3,1	0012345678910	0123456789
39	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC			1,0	2,4	1,2	4,6	0012345678910	0123456789
40	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD			1,0	0,0	1,2	2,2	0012345678910	0123456789
41	15138067	Nguyễn Đình Thống	DH15TD			1,0	1,8	0,0	2,8	0012345678910	0123456789
42	15118117	Lý Ngọc Trọng	DH15CK			0,0	2,7	0,6	3,3	0012345678910	0123456789
43	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC			1,0	2,1	1,8	4,9	0012345678910	0123456789
44	15138069	Nguyễn Trần Nghĩa	DH15TD			1,0	1,8	0,6	3,4	0012345678910	0123456789
45	15153072	Võ Văn Truyền	DH15CD			1,0	2,1	2,7	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204195



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH15TD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 70 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	15138070	Nguyễn Đình Lâm Tú	DH15TD			6,0	1,2	9,0	1,2	00002345678910	0123456789
47	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC			1,0	2,1	1,5	4,6	00012345678910	0123456789
48	15138071	Nguyễn Đình Tùng	DH15TD			1,0	1,8	1,5	4,3	00012345678910	0123456789
49	15138072	Lê Thái Vĩnh	DH15TD			5,0	0,0	2,1	2,1	00012345678910	0123456789
50	15138073	Nguyễn Hoàng Xuyên	DH15TD			0,0	0,0	1,2	1,2	00002345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 48 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vẽ cơ khí (207122) - 001 DH15CD 01

Số Tín Ch. 2

Ngày Thi: 28/12/2016 Giờ Thi: 07:00

Phong Thi RD303

Giảng viên:Phạm Đức Dũng

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	<u>Đ1</u> 20%	<u>Đ2</u> 20%	<u>Đ.Số</u> 60	<u>Điểm</u> T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK			0,2	0,9	1,5	2,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15153002	Đương Ngọc Bảo	DH15CD			0,7	0,5	1,0	2,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15118004	Nguyễn Lê Bảo	DH15CK						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118078	Trịnh Quốc Bảo	DH13CK						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	DH15CD			0,2	0,5	1	1,7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15153005	Mai Tuấn Cường	DH15CD			0	0,6	2	2,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			0,4	0,5	1,0	1,9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD			0,2	0,5	1,5	2,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13118105	Trần Tùng Dương	DH13CK						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15153010	Nguyễn Tấn Đình	DH15CD			0,8	0,7	2,5	4,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13153078	Trương Công Định	DH13CD			0	0,3	2,0	2,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15153011	Ngô Phú Đỗ	DH15CD			0,8	1,2	2,0	4,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15153012	Huỳnh Đức	DH15CD			0,9	0,7	2,0	3,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15153015	Lê Cảnh Trường	DH15CD			0,6	0,4	1,0	2,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13153084	Nguyễn Trúc	DH13CD			0,5	0	2,5	3,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 204196



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học Nhóm Vệ cơ khí (207122) - 001_DH15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 28/12/2016 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD303 Giảng viên: Phạm Đức Dũng

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15153032	Huỳnh Tấn Lợi	DH15CD			0,7	0,8	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
32	13153146	Trần Tấn Lợi	DH13CD			0,3	0,8	1,5	2,6	0012345678910	0123456789
33	13153147	Võ Thành Luân	DH13CD			0,9	1,1	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
34	15153037	Lê Đức Mạnh	DH15CD			0,3	1,3	1,0	3,2	0012345678910	0123456789
35	14153103	Nguyễn Đức Nam	DH14CD			0,7	0,9	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
36	15153039	Hồ Thị Thúy Nga	DH15CD			0,9	1,0	1,0	2,9	0012345678910	0123456789
37	15153040	Hồ Văn Nghĩa	DH15CD			0,7	1,3	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
38	15118073	Phạm Đỗ Trung	DH15CK						✓	0012345678910	0123456789
39	15153041	Bùi Hồng Ngọc	DH15CD			0,7	1,0	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
40	15153044	Nguyễn Văn Nhân	DH15CD			0,2	0,4	1,0	1,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng:.....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Hải Đăng

 Kiên Văn Trúc

 TS. Võ Văn Tuấn

 Nguyễn Hải Đăng



Mã nhận dạng 204196



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Về cơ khí (207122) - 001_DH15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 28/12/2016 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD303 Giảng viên:Phạm Đức Dũng

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lờ
16	15118030	Nguyễn Ngọc Hân	DH15CC						V	0012345678910	0123456789
17	15153021	Dặng Trung Hậu	DH15CD			0,7	0,8	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
18	15118031	Nguyễn Bình Phương	DH15CK			0,3	0,4	1,5	2,2	0012345678910	0123456789
19	15153023	Lê Trung Hiếu	DH15CD			0,5	0,3	2,0	2,8	0012345678910	0123456789
20	15153025	Nguyễn Minh Hiếu	DH15CD			0,4	0,4	1,0	1,8	0012345678910	0123456789
21	15153026	Nguyễn Trung Hiếu	DH15CD			0,7	1,4	4,0	6,1	0012345678910	0123456789
22	15153027	Nguyễn Đức Huy	DH15CD			0,3	0,9	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
23	15153028	Lê Huỳnh Khang	DH15CD			0,8	1,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
24	13153124	Nguyễn Trọng Khang	DH13CD			0,5	0,6	0,5	1,6	0012345678910	0123456789
25	13153010	Nguyễn Anh Khôi	DH13CD			0,9	0,7	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
26	15153030	Hoàng Văn Kỳ	DH15CD			0,3	1,0	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
27	13153142	Nguyễn Văn Lâm	DH13CD			0,9	0,8	2,0	3,7	0012345678910	0123456789
28	15118050	Phạm Ngọc Lâm	DH15CK						V	0012345678910	0123456789
29	15153033	Phạm Văn Long	DH15CD			0,7	1,0	4,0	5,7	0012345678910	0123456789
30	15153031	Phạm Nguyễn Thành Lộc	DH15CD						V	0012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vẽ cơ khí (207122) - 002_DH15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 28/12/2016 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD402 Giảng viên: Phạm Đức Dũng

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153040	Phạm Thị Nhân	DH14CD	<i>Phạm Thị Nhân</i>		0,8	0,6	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
2	13153168	Nguyễn Hoàng Minh	DH13CD	<i>Nguyễn Hoàng Minh</i>		0,5	0,6	2,5	3,6	0012345678910	0123456789
3	14118046	Nguyễn Phúc Bảo	DH14CC	<i>Nguyễn Phúc Bảo</i>		0,5	0,5	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
4	15153046	Phạm Huỳnh	DH15CD	<i>Phạm Huỳnh</i>		0,7	0,6	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
5	15153047	Mai Tấn	DH15CD	<i>Mai Tấn</i>		0,8	1,0	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
6	13153173	Nguyễn Văn	DH13CD	<i>Nguyễn Văn</i>		0,2	0,7	1,0	1,9	0012345678910	0123456789
7	15153048	Đinh Hoàng	DH15CD	<i>Đinh Hoàng</i>		0,8	1,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
8	15153052	Nguyễn Trung Minh	DH15CD	<i>Nguyễn Trung Minh</i>		0,7	0,9	1,5	3,1	0012345678910	0123456789
9	13153191	Lê Trọng	DH13CD	<i>Lê Trọng</i>		0,5	0,8	1,5	2,8	0012345678910	0123456789
10	13153196	Thần Văn	DH13CD	<i>Thần Văn</i>		0,5	0,5	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
11	15153054	Nguyễn	DH15CD	<i>Nguyễn</i>		0,2	0,8	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
12	15153056	Trần Tấn	DH15CD	<i>Trần Tấn</i>		0,7	0,9	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
13	15153057	Đỗ Thành	DH15CD	<i>Đỗ Thành</i>		0,6	0,7	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
14	14153119	Trần Trí	DH14CD	<i>Trần Trí</i>		0,5	1,0	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
15	14153123	Đỗ Hồng	DH14CD	<i>Đỗ Hồng</i>		0,7	0,8	2,0	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204197



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: **Vẽ cơ khí (207122) - 002_DH15CD_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi: **28/12/2016** Giờ Thi: **07:00** Phòng Thi: **RD402** Giảng viên: **Phạm Đức Dũng**Lớp: **DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15118096	Nguyễn Thiện Thành	DH15CC	✓						001234567890	0123456789
17	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD	Thảo		0,5	0,1	1,5	2,1	001234567890	0123456789
18	13153211	Huỳnh Võ Minh Thăng	DH13CD	Thăng		0	0,3	2,0	2,3	001234567890	0123456789
19	14153129	Phạm Hoàng Thân	DH14CD	Thân		0,7	0,8	2,5	4,0	001234567890	0123456789
20	15153062	Lâm Minh Thi	DH15CD	Thi		0,2	0,1	2,0	2,3	001234567890	0123456789
21	13153219	Tồn Thất Thiện	DH13CD	✓						001234567890	0123456789
22	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC	Thọ		0	0,6	2,0	2,6	001234567890	0123456789
23	15153064	Nguyễn Hiền Thuận	DH15CD	Thuận		0,8	1,2	2,5	4,5	001234567890	0123456789
24	15153065	Lê Văn Thương	DH15CD	Thương		0,8	1,3	2,5	4,6	001234567890	0123456789
25	15153066	Phạm Văn Tiến	DH15CD	✓						001234567890	0123456789
26	15153067	Trương Văn Tịnh	DH15CD	Tịnh		0,6	0,5	1,0	2,1	001234567890	0123456789
27	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD	Toàn		0,4	0,4	1,0	1,8	001234567890	0123456789
28	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK	✓						001234567890	0123456789
29	13153244	Nguyễn Thanh Trí	DH13CD	Trí		0,7	0,3	2,0	3,0	001234567890	0123456789
30	13153245	Nguyễn Tiến Trung	DH13CD	✓						001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204197



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Vẽ cơ khí (207122) - 002_DH15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 28/12/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD402

Giảng viên: Phạm Đức Dũng

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Đ. Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15153073	Nguyễn Anh Tuấn	DH15CD			0,6	0,7	3,0	4,3	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	14153140	Nguyễn Mạnh Tuấn	DH14CD			0,7	0,8	2,5	4,0	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD			0,8	0,7	2,0	3,5	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	15118137	Nguyễn Quốc Vương	DH15CK			0,2	0,3	1,0	2,1	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	13118359	Vũ Gia Vỹ	DH13CK			0,3	0,8	2,0	3,1	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	15118138	Hồ Sỹ Ý	DH15CK			0,3	0,4	2,0	2,7	○⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số sinh viên dự thi 31...Số sinh viên vắng 5...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Mạnh Miền
Nguyễn Võ Ngọc Thạch
TS. Võ Văn Tiến
Nguyễn Hải Đăng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 03

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK	An		4,5	8	6	6,1	○○○12345●789○	○●23456789
2	14118004	Đổng Văn Bảo	DH14CK		V					●○○123456789○	○123456789
3	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK			9	9	4,5	6,8	○○12345●789○	○1234567●9
4	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK			8,5	6	5,5	6,4	○○12345●789○	○123●56789
5	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK		V	8				●○○123456789○	○123456789
6	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC			8,5	7	2,5	5,1	○○123456789○	○123456789
7	14153010	Trần Vũ Anh	DH14CD			8,5	7	5,5	6,6	○○12345●789○	○12345●789
8	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK			4,5	6	3,5	4,4	○○123●56789○	○123●56789
9	14118132	Nguyễn Võ Trí	DH14CK			8,5	6	3	5,1	○○123456789○	○123456789
10	14118134	Nguyễn Văn Đại	DH14CK			8,5	7	6	6,9	○○123456789○	○123456789
11	14118016	Phạm Tấn Đạt	DH14CK			8,5	8	2,5	5,4	○○123456789○	○123●56789
12	14118017	Nguyễn Thanh Diên	DH14CK			8,5	6	3	5,1	○○123456789○	○123456789
13	14118141	Trần Văn Diệp	DH14CK			8,5	7	6	6,9	○○123456789○	○123456789
14	14118025	Lê Quang Hiền	DH14CK			8,5	7	5,5	6,6	○○123456789○	○12345●789
15	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK		V					●○○123456789○	○123456789
16	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK			8,5	5	6	6,4	○○12345●789○	○123●56789
17	14118166	Vũ Văn Hòa	DH14CK			8,5	6	5,5	6,4	○○12345●789○	○123●56789
18	14154025	Nguyễn Phúc Hưng	DH14OT			8	8	2,5	5,3	○○123456789○	○12●456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 03

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14118181	Phạm Duy Khanh	DH14CC			8,5	8	7,5	7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
20	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK			7,5	7	3	5,1	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14118034	Đinh Đức Kiên	DH14CK			8,5	8	6,5	7,4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
22	14118189	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH14CK			9	7	3	5,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			8,5	5	5,5	6,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	14154031	Đặng Văn Long	DH14OT			10	9	10	9,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
25	14118192	Lê Thành Long	DH14CK			8,5	7	3	5,4	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
26	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK			8,5	8	5	6,6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
27	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK			8,5	6	2,5	4,9	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	14118214	Nguyễn Xuân Phát	DH14CK		✓					●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK			8,5	8	7,5	7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK		✓					●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	14118218	Phạm Thanh Phong	DH14CK			4,5	7	8	6,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK			8,5	7	6	6,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
33	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK			8,5	8	3	5,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
34	14118223	Phạm Hoàng Phương	DH14CK			8,5	7	5,5	6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
35	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK			8,5	7	4,5	6,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	14118240	Trịnh Văn Sơn	DH14CK			8,5	5	5,5	6,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: ƯD tin học trong thiết kế máy (207125) - 03

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK			9	8	5	6,8	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
38	14118067	Nguyễn Kiều Minh	DH14CK		✓					① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
39	14118267	Nguyễn Hoàng Thông	DH14CK		✓					① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
40	14118274	Trần Văn Thương	DH14CC			9	9	7	8,0	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
41	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK			8,5	6	2,5	4,9	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
42	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK		✓					① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
43	14118312	Hà Thành Vị	DH14CK			8,5	7	6	6,9	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
44	14118093	Trần Phước Vinh	DH14CK			4,5	8	5,5	5,9	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
45	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK			8,5	7	5	6,4	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
46	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK			7	8	7	7,3	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

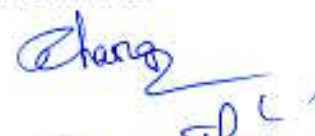
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Hải Đăng


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


Nguyễn Hải Đăng


Phạm Quang Thắng

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	<u>Đ1</u> %	<u>Đ2</u> %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118141	Trần Văn Điệp	DH14CK			5,4	2,3		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK			5,4	2,3		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC			6,1	2,5		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118178	Trần Ngọc Hưng	DH14CC			6,1	2,5		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14153096	Huỳnh Duy Khánh	DH14CD			6,1	2,5		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118037	Trần Đình Hải	DH14CC			5,7	2,5		8,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118208	Võ Tấn Nguyên	DH14CC			5,3	2,4		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118045	Trần Trọng Nhân	DH14CC			5,3	2,2		7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118047	Nguyễn Hữu Phát	DH14CC			5,7	2,5		8,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK			5,4	2,3		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC			6,1	2,4		8,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC			5	2,3		7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC			6,1	2,4		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC			4,7	2,4		7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC			6,1	2,5		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14118268	Nguyễn Nhật Thông	DH14CK			5	2,3		7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14137080	Nguyễn Ngọc Thuận	DH14NL			6,1	2,5		8,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD			5,7	2,5		8,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 04

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14118089	Nguyễn Nhật Tuyền	DH14CC			5,1	2,2		7,3	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	14118094	Lê Minh Võ	DH14CC			5,1	2,4		7,5	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chung
Phạm Quang Thắng

Nguyễn Văn Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 05

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118002	Lê Văn Thế Anh	DH14CC			6,2	2		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC			5,8	2		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
3	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC			6,2	2		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC			6,3	2,2		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC			5,8	2		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
6	14118193	Trần Như Long	DH14CC			6,2	2		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14153027	Nguyễn Phan Lợi	DH14CD			6,3	1,9		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118215	Vô Tấn Phát	DH14CC			6,3	2,2		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CK			6,3	2,2		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC			6,2	2		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC			6,3	1,9		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC			6,2	2,1		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14138096	Nguyễn Công Thiện	DH14TD			6,3	2,2		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14153133	Nguyễn Văn Thuận	DH14CD			6,3	1,6		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
15	14118078	Nguyễn Công Trọng	DH14CC			6,3	2,2		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14153054	Đinh Ngọc Trần	DH14CD			6,3	1,9		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118080	Cao Văn Trình	DH14CC			6,2	2		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC			6,2	2,1		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 05

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC			6,2	2		8,2	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	14118095	Nguyễn Quốc Vương	DH14CK			6,3	1,7		8,0	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Quang Thắng

N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153006	Hồ Nguyễn Văn Cảnh	DH14CD			6,6	2,4		9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118118	Phạm Đức Công	DH14CC			6,2	2,6		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK			6,6	2,5		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC			6,2	2,6		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118014	Nguyễn Bảo Đàm	DH14CC			6,2	2,6		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC			6,6	2,5		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			6,2	2,6		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC			6,7	2,4		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC			6,7	2,5		9,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14153080	Lê Khoa Hậu	DH14CD			6,6	2,5		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK			6,6	2,5		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118160	Vô Đức Hiệp	DH14CC			6,7	2,4		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14153036	Phan Trọng Nghĩa	DH14CD			6,6	2,5		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14153041	Vũ Minh Nhật	DH14CD			6,6	2,5		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DH14CC			6,2	2,5		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14118221	Nguyễn Thanh Phương	DH14CK			6,2	2,5		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC			6,6	2,5		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14118059	Lê Văn Quyền	DH14CC			6,7	2,4		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 06

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	14153129	Phạm Hoàng Thân	DH14CD			6,6	2,5		9,1	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC			6,4	2,4		8,8	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Tiang

Nguyễn Văn Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 07

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK			5,6	1,6		7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14153067	Nguyễn Khắc Bông	DH14CD			6,4	1,4		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118007	Vô Văn Cảnh	DH14CK			5,6	1,4		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	④①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC			5,6	1,4		7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	④①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT			5,1	1,4		6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK			6	1,3		7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14153019	Cao Bá Kế	DH14CD			6,4	1,4		7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14154110	Lê Mai Khoa	DH14OT			5,8	1,6		7,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14154112	Nguyễn Hoàng Khương	DH14OT			5,8	1,6		7,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14154033	Trần Phạm Lộc	DH14OT			5,5	1,6		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT			5,5	1,6		7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14154133	Trương Thái Phi	DH14OT			6,4	1,6		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14154045	Mai Xuân Sanh	DH14OT			5,2	1,6		6,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH14OT			5,8	1,4		7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14153124	Hà Duy Thái	DH14CD			6,4	1,6		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14154058	Lê Đình Thuận	DH14OT			5,5	1,4		6,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14154062	Nguyễn Thế Trọng	DH14OT			5,2	1,4		6,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14153138	Phan Văn Trọng	DH14CD			6,4	1,6		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 07

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14154063	Võ Đình Trường	DH14OT			4,8	1,4		6,2	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	14118092	Nguyễn Hoàng Anh Tú	DH14CC			5,3	1,6		6,9	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/hệ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

Nguyễn Văn Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 08

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	14154067	Đỗ Đức Anh	DH14OT			/	/		/	●○○○12345678910	○○123456789
2	14154003	Nguyễn Chí Bảo	DH14OT			5,9	2,3		8,2	○○○○12345678910	○○1●3456789
3	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK			5,8	2,4		8,2	○○○○12345678910	○○1●3456789
4	14153005	Võ Đức Bảy	DH14CD			6,2	2,3		8,5	○○○○12345678910	○○1234●6789
5	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK			5,8	2,4		8,2	○○○○12345678910	○○1●3456789
6	14154077	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT			6,2	2,5		8,7	○○○○12345678910	○○123456●89
7	14154079	Nguyễn Thị Bích Dân	DH14OT			6,3	2		8,3	○○○○12345678910	○○12●456789
8	14118154	Lê Doãn Hào	DH14CC			5,5	2,3		7,8	○○○○123456●8910	○○1234567●9
9	14154098	Lê Thái Hòa	DH14OT			6,2	2,5		8,7	○○○○12345678910	○○123456●89
10	14154094	Trần Thanh Hoàng	DH14OT			6,2	2,3		8,5	○○○○12345678910	○○1234●6789
11	14154024	Nguyễn Phi Hùng	DH14OT			5,9	2,3		8,2	○○○○12345678910	○○1●3456789
12	14118181	Phạm Duy Khanh	DH14CC			5,8	2,4		8,2	○○○○12345678910	○○1●3456789
13	14118036	Nguyễn Thành Lễ	DH14CC			5,5	2,4		7,9	○○○○123456●8910	○○12345678●9
14	14118038	Thượng Công Lộc	DH14CK			6,2	2,5		8,7	○○○○12345678910	○○123456●89
15	14154127	Nguyễn Văn Nhận	DH14OT			6,3	2		8,3	○○○○12345678910	○○12●456789
16	14154039	Nguyễn Hoài Nhân	DH14OT			6,3	2		8,3	○○○○12345678910	○○12●456789
17	14154131	Nguyễn Tấn Phát	DH14OT			6,3	2		8,3	○○○○12345678910	○○12●456789
18	14154137	Đỗ Tiến Quỳnh	DH14OT			6,2	2,3		8,5	○○○○12345678910	○○1234●6789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 08

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14154047	Nguyễn Quốc Sự	DH14OT			6,3	2		8,3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑪	① ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	14154143	Trần Hữu Thành	DH14OT			6,2	2,5		8,7	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑪	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

Nguyễn Văn Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 09

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154068	Hồ Việt Anh	DH14OT			4,3	1,7		6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14154007	Nguyễn Thành Công	DH14OT			6,1	2,3		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14154076	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT			6,1	2,1		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118139	Phạm Thánh Đạt	DH14CC			6,2	2,1		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT			5,7	2,3		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14154016	Trần Thanh Tú Em	DH14OT			5,7	2,3		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14154021	Nông Quốc Hoàn	DH14OT			/	/		/	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14154025	Nguyễn Phúc Hưng	DH14OT			6,1	2,3		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
9	14153023	Đinh Thiện Duy	DH14CD			6,2	2,1		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14153028	Bùi Vũ Luân	DH14CD			6,2	2,3		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14153103	Nguyễn Đức Nam	DH14CD			5,5	1,6		7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14153109	Nguyễn Hiệp Duy	DH14CD			6,2	2,3		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14153119	Trần Trí Tâm	DH14CD			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14153123	Đỗ Hồng Thái	DH14CD			6	2		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14154051	Nguyễn Trọng Thành	DH14OT			5,7	2,1		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
16	14154052	Lê Cao Thắng	DH14OT			6,1	2,3		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
17	14153050	Nguyễn Phú Thịnh	DH14CD			5,6	2,1		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
18	14153139	Lê Văn Trường	DH14CD			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 09

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14153060	Nguyễn Công Tường	DH14CD			5,6	2,3		7,9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
20	14154064	Mai Quốc Việt	DH14OT			6,1	2,3		8,4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Quang Thắng

N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gin công cắt - gọt (207126) - 10

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154005	Nông Chí Bảo	DH14OT			5,7	2,3		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK			5,6	1,1		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
3	14153009	Lê Mạnh Cường	DH14CD			6	2		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14154080	Nguyễn Hoàng Diễm	DH14OT			5,7	2,3		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14153011	Châu Khánh Đạt	DH14CD			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14154011	Nguyễn Phát Đạt	DH14OT			5,8	2,3		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14154018	Trần Bá Hiến	DH14OT			5,8	2,3		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14154093	Trương Bửu Hiệp	DH14OT			6,2	2,2		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14154102	Nguyễn Đình Huy	DH14OT			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14154027	Cao Hoàng Khanh	DH14OT			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14153025	Phạm Thanh Lâm	DH14CD			6	2		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14154032	Nguyễn Văn Hoàng Long	DH14OT			4,8	2,3		7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK			5,6	1,6		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14153104	Phan Thanh Nam	DH14CD			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14153034	Chế Thành Nghi	DH14CD			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14153045	Võ Xuân Quỳnh	DH14CD			6	2,3		8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT			5,5	2,2		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
18	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK			6	2		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 10

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14153053	Nguyễn Văn Tinh	DH14CD			6	2,3		8,3	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	14154160	Vũ Duy Tú	DH14OT			6	2,3		8,3	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Quang Thắng

N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 11

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13138027	Bùi Minh Bảo	DH13TD			5,3	0		5,3	○○○1234567890	○○123456789
2	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL			6,2	0,6		6,8	○○○1234567890	○○123456789
3	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			5,2	0,6		5,8	○○○1234567890	○○123456789
4	14154010	Nguyễn Văn Dân	DH14OT			/	/		/	○○○1234567890	○○123456789
5	14118018	Trần Phương Đông	DH14CK			6,2	1,8		8,0	○○○1234567890	○○123456789
6	14118149	Hà Văn Giao	DH14CC			5	2,3		7,3	○○○1234567890	○○123456789
7	15137026	Mai Hữu Huy	DH15NL			/	/		/	○○○1234567890	○○123456789
8	14154107	Quách Nguyễn Thành Khang	DH14OT			5,5	2,6		8,1	○○○1234567890	○○123456789
9	12153074	Trần Trọng Khiêm	DH12CD			5,3	2,4		7,7	○○○1234567890	○○123456789
10	14118185	Hoàng Nguyễn Anh Khoa	DH14CK			5,3	2,3		7,6	○○○1234567890	○○123456789
11	13137080	Lê Thành Khôi	DH13NL			/	/		/	○○○1234567890	○○123456789
12	15137045	Võ Kim Sơn	DH15NL			6,2	0		6,2	○○○1234567890	○○123456789
13	14118266	Phan Minh Thoại	DH14CK			5,9	1,8		7,7	○○○1234567890	○○123456789
14	13154183	Nguyễn Văn Thơm	DH13OT			5,5	2,6		8,1	○○○1234567890	○○123456789
15	14118292	Nguyễn Tấn Truyền	DH14CK			6,2	1,8		8,0	○○○1234567890	○○123456789
16	14154156	Trần Hữu Tuấn	DH14OT			5,5	2,6		8,1	○○○1234567890	○○123456789
17	13334244	Lê Quang Vinh	CD13CI			5,2	2,6		7,8	○○○1234567890	○○123456789
18	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK			6,2	1,8		8,0	○○○1234567890	○○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 11

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15137070	Nguyễn Anh Vũ	DH15NL			5,9	0,6		6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14118322	Nguyễn Duy Xuân	DH14CK			6,2	1,8		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

Trần
N. V. Kiệp

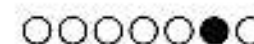
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 12

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL			5,3	2,3		7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	15137002	Vô Trường An	DH15NL			6,1	1,4		7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	15138003	Đặng Hoàng Anh	DH15TD			5,1	2,6		7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL			5,4	1,5		6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	15138012	Nguyễn Hữu Đạt	DH15TD			4,4	2,6		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL			4,6	2,3		6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	15137015	Trương Hồng Hải	DH15NL			/	/		/	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	15137022	Trần Văn Hoài	DH15NL			5,1	2,6		7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	15137024	Vũ Quang Hưng	DH15NL			4,1	1,5		5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	15137032	Nguyễn Bách Khoa	DH15NL			5,1	2,6		7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	15137034	Phạm Thanh Long	DH15NL			5,3	2,3		7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	15138037	Phạm Lộc	DH15TD			5,1	2,6		7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	15137035	Bùi Công Minh	DH15NL			5,3	2,3		7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL			5,3	2,3		7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	15137072	Nguyễn Quang Nhật	DH15NL			4,8	2,5		7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	15137039	Lê Nam Phong	DH15NL			5,7	0,9		6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
17	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL			6,1	1,4		7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL			4,8	2,5		7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 12

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL			3,5	2,5		6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	15137055	Trần Ngọc Thiện	DH15NL			4,5	2,5		7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

Nguyễn Văn Kiệp
N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 13

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL			5,7	2,3		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15137006	Phạm Văn Chính	DH15NL			5,3	2,3		7,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL			5,7	2,3		8,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15137013	Nguyễn Trường Giang	DH15NL			5,8	2,3		8,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15137019	Dương Thu Hiền	DH15NL			5,8	2,3		8,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL			5,8	2,3		8,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL			5,8	2,3		8,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15137030	Vũ Gia Huy	DH15NL			5,3	2		7,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL			5,5	2,3		7,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
10	15138047	Phạm Thị Đức	DH15TD			5,8	2,3		8,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL			6	2,3		8,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL			6	2,3		8,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL			6	2,3		8,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15137052	Lê Văn Thánh	DH15NL			5,8	2,3		8,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15137050	Phan Minh Thắm	DH15NL			5,7	2,1		7,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
16	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL			5,8	2,3		8,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL			5,6	2,3		7,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
18	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL			5,8	2,3		8,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 13

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15137059	Phan Nhật Tiến	DH15NL			5,6	2,1		7,7	00012345678910	0123456789
20	15137060	Thái Minh Toàn	DH15NL			5,6	2,3		8,1	00012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/hệ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

Nguyễn Văn Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 14

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154004	Nguyễn Hoài Bảo	DH14OT			5,3	2,7		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14154009	Nguyễn Hoài Duy	DH14OT			6,7	3,3		9,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137036	Trần Khánh Duy	DH13NL			3,3	6,2		3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	15137009	Lê Thành Được	DH15NL			6,1	1,8		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL			4,7	1,8		6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14153013	Nguyễn Sơn Hà	DH14CD			6,7	2,9		9,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14137036	Nguyễn Hồng Hiếu	DH14NL			5,7	2,4		8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118167	Nguyễn Văn Hón	DH14CC			6,1	2,4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	15137031	Nguyễn Hữu Kha	DH15NL			6,1	1,8		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14154028	Đặng Tuấn Kiệt	DH14OT			6,4	2,9		9,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14154031	Đặng Văn Long	DH14OT			6,7	2,9		9,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138044	Phạm Phúc Nha	DH12TD			4	6,2		4,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118230	Cao Hoàng Phi	DH13CK			4,3	6		4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL			5	0		5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14137069	Ngô Văn Thanh	DH14NL			5,7	2,4		8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC			6,1	2,4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	15137058	Nguyễn Thành Tiến	DH15NL			6,1	1,7		7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14118076	Nguyễn Văn Toán	DH14CC			6,1	2,4		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 14

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL			6,1	1,8		7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	15137068	Nguyễn Minh Tuấn	DH15NL			5,4	0,2		5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Trang

Nguyễn Văn Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 03

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK			5,2	2,4		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
2	14153067	Nguyễn Khắc Bằng	DH14CD			6	2,6		8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
3	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK			5,1	2,4		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK			5,7	2,4		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14154016	Trần Thanh Tú	DH14OT			4,8	2,3		7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118026	Nguyễn Đức Hiền	DH14CK			4,7	2,2		6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14154021	Nông Quốc Hoàn	DH14OT			/	/		/	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118170	Bùi Quang Huy	DH14CK			4,8	2		6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118189	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH14CK			5,7	1,8		7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14153025	Phạm Thanh Lâm	DH14CD			5,6	2,8		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118192	Lê Thành Long	DH14CK			5,6	2,5		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118042	Nguyễn Trung Nguyên	DH14CK			5,3	2,5		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK			5,4	2,6		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118083	Trương Minh Trí	DH14CK			4,9	1,8		6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨
15	14118283	Lê Đức Trọng	DH14CK			5	2,4		7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14118284	Nguyễn Đức Trọng	DH14CK			4,7	2,3		7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118088	Hồ Hoàng Tuấn	DH14CK			5,2	2,5		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨
18	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK			5	2,6		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 03

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14118095	Nguyễn Quốc Vương	DH14CK			6	2,6		8,6	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK			4,8	2		6,8	○ ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 04

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154005	Nông Chi Bảo	DH14OT			4,8	2,4		7,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	14118007	Võ Văn Cảnh	DH14CK			5,3	2,3		7,6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK			4,6	2,3		6,9	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK			5	2,2		7,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	14154080	Nguyễn Hoàng Diễn	DH14OT			5	1,6		6,6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	14137016	Trần Thanh Duy	DH14NL			5	2,8		7,8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	14118141	Trần Văn Diệp	DH14CK			5,2	2,6		7,8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK			5,3	1,9		7,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK			5,5	2,8		8,3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK			5	2,3		7,3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	14118034	Đinh Đức Kiên	DH14CK			5	2,4		7,4	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			5,5	2		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	14154032	Nguyễn Văn Hoàng Long	DH14OT			4,9	2,8		7,7	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK			4,7	2,8		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK			5,7	2		7,7	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	14118240	Trịnh Văn Sơn	DH14CK			5,5	2,6		8,1	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
17	14118062	Đỗ Văn Tào	DH14CK			4,7	2,8		7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	14153139	Lê Văn Trường	DH14CD			6,2	2,9		9,1	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 04

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14154157	Trần Văn Tuấn	DH14OT			/	/		/	● 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14118309	Bùi Thanh Vinh	DH14CK			4,6	2,5		7,4	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thang

Nguyễn Thị Phương Thảo
N. V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thước tập gia công hàn - nguội (207127) - 05

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118004	Đông Văn Bảo	DH14CK			4,8	2,5		7,3	001234567890	0123456789
2	14153005	Võ Đức Bấy	DH14CD			5	2,4		7,4	001234567890	0123456789
3	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK			4,3	2,3		6,6	001234567890	0123456789
4	14153011	Châu Khánh Đạt	DH14CD			5,3	2,4		7,7	001234567890	0123456789
5	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC			5,5	2,5		8,0	001234567890	0123456789
6	14118185	Hoàng Nguyễn Anh Khoa	DH14CK			4,7	2,8		7,5	001234567890	0123456789
7	14118187	Nguyễn Hữu Khôi	DH14CC			5,3	4,8		7,1	001234567890	0123456789
8	14153023	Đinh Thiện Duy Lam	DH14CD			5,2	2,5		7,7	001234567890	0123456789
9	14153103	Nguyễn Đức Nam	DH14CD			5,1	2,8		7,9	001234567890	0123456789
10	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK			4,8	1,8		6,6	001234567890	0123456789
11	14153109	Nguyễn Hiệp Duy Nhất	DH14CD			5,7	2,4		8,1	001234567890	0123456789
12	14118226	Nguyễn Tấn Phước	DH14CK			5,6	2,4		8,0	001234567890	0123456789
13	14118223	Phạm Hoàng Phương	DH14CK			5,3	2,6		7,9	001234567890	0123456789
14	14118239	Vân Công Sĩ	DH14CK			4,3	2,4		6,7	001234567890	0123456789
15	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK			5,6	2,5		8,1	001234567890	0123456789
16	14153123	Đỗ Hồng Thái	DH14CD			5,3	2,6		7,9	001234567890	0123456789
17	14153053	Nguyễn Văn Tinh	DH14CD			5,6	2,5		8,1	001234567890	0123456789
18	14153054	Đinh Ngọc Trân	DH14CD			6,2	2,8		9,0	001234567890	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 05

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK			5,3	2		7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK			5,5	2,4		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Quang Thông

N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 06

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153006	Hồ Nguyễn Văn Cảnh	DH14CD			5,6	2,5		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118117	Lê Tiến Công	DH14CK			4,7	2,4		7,1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14153009	Lê Mạnh Cường	DH14CD			4,8	1,6		6,4	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118131	Lê Văn Dương	DH14CK			5,6	1,7		7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118134	Nguyễn Văn Đại	DH14CK			5,6	2,3		7,9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
6	14118016	Phạm Tấn Đạt	DH14CK			4,5	1,8		6,3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14154093	Trương Bửu Hiệp	DH14OT			4,8	2,8		7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
8	14118186	Phạm Anh Khoa	DH14CK			5,2	2		7,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK			5,7	1,6		7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14153041	Vũ Minh Nhật	DH14CD			5,7	2,5		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118215	Võ Tấn Phát	DH14CC			4,7	2,6		7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118218	Phạm Thanh Phong	DH14CK			5	2,3		7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14154045	Mai Xuân Sanh	DH14OT			4,9	2		6,9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
14	14153124	Hà Duy Thái	DH14CD			5,7	2		7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨
15	14154052	Lê Cao Thắng	DH14OT			5,3	2,3		7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
16	14153129	Phạm Hoàng Thôn	DH14CD			6,2	2		8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118264	Nguyễn Xuân Thiệu	DH14CK			4,6	2,3		6,9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
18	14118292	Nguyễn Tấn Truyền	DH14CK			5,5	2,6		8,1	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 06

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14154160	Vũ Duy Tú	DH14OT			5	2		7,0	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	14118322	Nguyễn Duy Xuân	DH14CK			5,2	2,5		7,7	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

Trần Thị
N.V. Kiệp

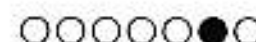
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 07

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK			6,2	2,8		9,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118116	Trương Chiên	DH14CK			5,2	2,5		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118017	Nguyễn Thanh Diễm	DH14CK			5,1	2,6		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118166	Võ Văn Hòa	DH14CK			5,3	2,6		7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118162	Bùi Xuân Hoàng	DH14CK			4,8	2,3		7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK			4,7	2,5		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14153019	Cao Bá Kế	DH14CD			5,4	2,4		7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14153028	Bùi Vũ Luân	DH14CD			5,9	2,8		8,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK			5,4	2,6		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14153104	Phan Thanh Nam	DH14CD			5	2,5		7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14153034	Chế Thành Nghi	DH14CD			4,7	2,6		7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14153107	Đinh Như Nhân	DH14CD			6,3	2,4		8,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CK			5	2,5		7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK			5,3	2,4		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118221	Nguyễn Thanh Phương	DH14CK			5	2		7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14118266	Phan Minh Thoại	DH14CK			5,7	2,6		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118267	Nguyễn Hoàng Thông	DH14CK			5	2,4		7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14118268	Nguyễn Nhật Thông	DH14CK			5,2	2,9		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 204325

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 07

CBGD: Nguyễn Thị Phương Thảo (707)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD			5	2,3		7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	14118312	Hà Thành Vĩ	DH14CK			5	1,5		6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

Trần Thị
K.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 08

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154068	Hồ Việt Anh	DH14OT			1,7	2,4		4,1	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14154003	Nguyễn Chí Bảo	DH14OT			5,2	2,6		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
3	14154076	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT			5	2,9		7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
4	14154094	Trần Thanh Hoàng	DH14OT			5,9	2,6		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	14154024	Nguyễn Phi Hùng	DH14OT			5,3	2,8		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14154102	Nguyễn Đình Huy	DH14OT			5,2	2		7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14154100	Nguyễn Đức Huy	DH14OT			4,9	2,4		7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14154025	Nguyễn Phúc Hưng	DH14OT			5,3	2,8		8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14137044	Nguyễn Văn Ka	DH14NL			5	2,8		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
10	14154112	Nguyễn Hoàng Khương	DH14OT			4,8	1,8		6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
11	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK			5,7	2,3		8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14154137	Đỗ Tiến Quỳnh	DH14OT			5,7	2,8		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
13	14154047	Nguyễn Quốc Sự	DH14OT			5,3	2,9		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH14OT			5,6	2,8		8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
15	14154051	Nguyễn Trọng Thành	DH14OT			5,3	2,4		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
16	14154143	Trần Hữu Thành	DH14OT			5,3	2,5		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
17	14154146	Nguyễn Trung Thiên	DH14OT			5,3	2,5		7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
18	14154057	Ôn Hoa Thu	DH14OT			5,3	2,4		7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 08

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14154062	Nguyễn Thế Trọng	DH14OT			5,3	2		7,3	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14153138	Phan Văn Trọng	DH14CD			5,7	2,6		8,3	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14154063	Võ Đình Trường	DH14OT			5	2,8		7,8	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vãng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xúc nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Pham Quang Thang

2004
 N. V. Kien

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thước tập gia công hàn - nguội (207127) - 09

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118120	Nguyễn Minh Cường	DH14CK			6	2,9		8,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14153008	Huỳnh Ngọc Cường	DH14CD			5,7	2,8		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13137036	Trần Khánh Duy	DH13NL			5,2	2,4		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK			5,6	2,4		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14137037	Nguyễn Thanh Hiếu	DH14NL			/	/		/	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK			5,3	2,6		7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14154099	Nguyễn Anh Huy	DH14OT			5,5	2,6		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118030	Nguyễn Đức Huy	DH14CK			4,8	2,8		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14154116	Trịnh Đình Linh	DH14OT			/	/		/	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118214	Nguyễn Xuân Phát	DH14CK			5,2	2		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK			4,9	2,8		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14154043	Nguyễn Thanh Quân	DH14OT			5,5	2,5		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13138016	Ngô Tấn Sang	DH13TD			4,9	2,4		7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118063	Huỳnh Ngân Tâm	DH14CC			2	2		4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK			5,5	2,6		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK			4,9	2,5		7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118081	Lê Ngọc Đăng Trình	DH14CK			5,7	2		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14118294	Nguyễn Phi Trùng	DH14CK			5	2,6		7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 09

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	14118311	Trần Xuân Vinh	DH14CK			5,2	2,8		8,0	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	14137099	Trương Quốc Vương	DH14NL			4,8	2,6		7,4	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thang

Trần Văn Đông
N. V. Kiệp

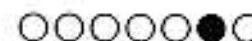
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 10

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK			6	2,5		8,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14154067	Đỗ Đức Anh	DH14OT			4,8	2,3		7,1	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14153003	Nguyễn Chí Bảo	DH14CD			6	2,5		8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
4	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL			5,3	2,4		7,7	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
5	14154007	Nguyễn Thành Công	DH14OT			5,5	2,9		8,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14154009	Nguyễn Hoài Duy	DH14OT			5,6	2,5		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT			5,2	2,5		7,7	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
8	14154098	Lê Thái Hòa	DH14OT			5,7	1,7		7,4	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
9	14137042	Ngô Thị Ngọc Huyền	DH14NL			4,9	1,7		6,6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
10	14154027	Cao Hoàng Khanh	DH14OT			5,6	2,3		7,9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
11	14153027	Nguyễn Phan Lợi	DH14CD			5,9	2,4		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT			5,3	2,6		7,9	○●①②③④⑤⑥⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
13	14118200	Phạm Quang Nam	DH14CK			5	2		7,0	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14154127	Nguyễn Văn Nhận	DH14OT			6,2	2,6		8,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
15	14154039	Nguyễn Hoài Nhân	DH14OT			5,6	2,5		8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT			3,9	2		5,9	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
17	14154142	Trương Quang Thanh	DH14OT			5,9	2,4		8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14154058	Lê Đình Thuận	DH14OT			5,1	2,5		7,6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 10

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14153060	Nguyễn Công Tường	DH14CD			6,2	2,2		8,4	000123456789	00123456789
20	14154064	Mai Quốc Việt	DH14OT			5	2,6		7,6	000123456789	00123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

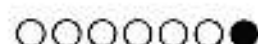
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Quang Thắng

N. V. Kiệp



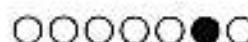
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 11

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154077	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT			6,3	2,4		8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
2	14118018	Trần Phương Đông	DH14CK			5,6	2,5		8,1	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118149	Hà Văn Giao	DH14CC			5,2	2,5		7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
4	14153079	Bùi Văn Hân	DH14CD			6,3	2,8		9,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DH14OT			5,6	2,3		7,9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
6	14154105	Phạm Ngọc Hưng	DH14OT			5,9	2,6		8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
7	14154107	Quách Nguyễn Thành Khung	DH14OT			5,5	2,8		8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14154110	Lê Mai Khoa	DH14OT			6	2,6		8,6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
9	14154033	Trần Phạm Lộc	DH14OT			5,9	2,6		8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	14154126	Phạm Anh Ngọc	DH14OT			6,2	2,5		8,7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
11	14154041	Vũ Văn Phát	DH14OT			/	/		/	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14154133	Trương Thái Phi	DH14OT			5,1	2,5		7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
13	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC			5,7	2,6		8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14137074	Nguyễn Mậu Thiết	DH14NL			4,7	2,2		6,9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
15	14154059	Phạm Văn Thử	DH14OT			5,4	2		7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
16	14154061	Trương Ngọc Tín	DH14OT			5,2	2,6		7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
17	14118296	Nguyễn Duy Tuấn	DH14CC			4,9	2,9		7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
18	14154156	Trần Hữu Tuấn	DH14OT			5	2,5		7,5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 11

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14153059	Phạm Ngọc Tuyền	DH14CD			5,7	2,6		8,3	0012345678910	0123456789
20	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK			6,2	2,5		9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

N.V. Kiệp

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm **Cơ kỹ thuật ứng dụng (207132) - 001_DH15TD_01**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 03/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RDS04

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp **DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 2,5%	D2 2,0%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138001	Trương Văn An	DH15TD	<i>An</i>		1,5	1,5	3,0	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	15138002	Bùi Thị Vân	DH15TD	<i>BTV</i>		1,5	1,5	3,0	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	15138003	Dặng Hoàng Anh	DH15TD	<i>HL</i>		2,0	1,25	3,25	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	15138004	Trần Hải Bảo	DH15TD	<i>B</i>		1,25	1,25	5,0	8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	15138005	Dương Võ Bình	DH15TD							○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	15138006	Nguyễn Văn Bình	DH15TD	<i>BV</i>		1,5	1,8	4,0	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	15138007	Trương Thành Cua	DH15TD	<i>TC</i>		1,5	1,5	4,5	7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	15138010	Dặng Xuân Danh	DH15TD	<i>DX</i>		0,0	0,8	1,0	2,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	15138016	Nguyễn Quý Dũng	DH15TD	<i>ND</i>		1,25	1,0	2,25	4,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	15138018	Nguyễn Hữu Duy	DH15TD	<i>ND</i>		0,25	0,0	0,25	1,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	DH15TD	<i>ND</i>		1,5	1,0	1,8	4,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	15138020	Vô Hải Duy	DH15TD	<i>VD</i>		1,5	1,5	3,5	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	15138017	Hồ Thanh Dương	DH15TD	<i>HT</i>		1,25	0,25	2,3	4,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	15138012	Nguyễn Hữu Đạt	DH15TD	<i>ND</i>		1,25	1,25	3,0	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	15138013	Phạm Thành Đạt	DH15TD	<i>PD</i>		0,0	0,5	0,3	0,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 204198



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Cơ kỹ thuật ứng dụng (207132) - 001_DH15TD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 03/01/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD504 Giảng viên: Vương Thành Tiên

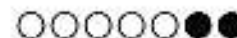
Lớp DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lư
16	15138011	Quách Tiến Đạt	DH15TD			1,5	1,8	3,0	6,3	001234567890	0123456789
17	15138008	Huỳnh Tuấn Hải	DH15TD			1,5	1,3	2,0	4,8	001234567890	0123456789
18	15138009	Huỳnh Tuấn Dũng	DH15TD			1,5	1,5	4,5	7,5	001234567890	0123456789
19	15138014	Trương Công Định	DH15TD			1,5	2,0	5,8	9,3	001234567890	0123456789
20	15138015	Lê Phan Nguyễn Thọ	DH15TD			0,0	1,5	2,3	3,8	001234567890	0123456789
21	15138021	Phạm Thị Thúy Hằng	DH15TD			1,5	1,8	2,5	5,8	001234567890	0123456789
22	15138022	Huỳnh Thanh Hiền	DH15TD			1,25	1,25	1,0	3,5	001234567890	0123456789
23	15138023	Nguyễn Thế Hiền	DH15TD			1,0	0,0	0,5	1,5	001234567890	0123456789
24	15138024	Trần Như Hiền	DH15TD			1,0	1,0	1,5	2,5	001234567890	0123456789
25	15138025	Bùi Trọng Hiếu	DH15TD			1,0	1,0	1,3	3,3	001234567890	0123456789
26	15138074	Phạm Lê Thanh Hòa	DH15TD			1,5	1,3	0,5	3,3	001234567890	0123456789
27	15138026	Ngô Văn Hoàn	DH15TD			1,8	1,5	3,0	6,3	001234567890	0123456789
28	15138029	Đào Hữu Huỳnh	DH15TD			0,5	0,0	1,0	1,5	001234567890	0123456789
29	15138027	Bùi Hữu Hưng	DH15TD			1,3	1,0	1,0	3,3	001234567890	0123456789
30	15138030	Nguyễn Duy Kha	DH15TD			1,5	1,5	3,5	6,5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204198



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ kỹ thuật ứng dụng (207132) - 001_DH15TD_01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi 03/01/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RDS04 Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15138031	Nguyễn Mạnh Khải	DH15TD			1,5	0,5	2,0	4,0	00012345678910	0123456789
32	15138033	Lê Võ Trung Kiên	DH15TD			1,0	1,5	4,5	7,0	00012345678910	0123456789
33	15138035	Phạm Hồng Linh	DH15TD			1,0	2,0	2,8	5,8	00012345678910	0123456789
34	15138036	Huỳnh Tấn Lộc	DH15TD			0,5	1,0	1,8	3,3	00012345678910	0123456789
35	15138037	Phạm Lộc	DH15TD			1,5	1,5	3,5	6,5	00012345678910	0123456789
36	15138039	Nguyễn Hồ Tấn Lộc	DH15TD			1,5	0,0	3,0	4,5	00012345678910	0123456789
37	15138041	Trương Đức Minh	DH15TD			1,25	0,25	0,8	2,8	00012345678910	0123456789
38	15138042	Vũ Văn Minh	DH15TD			2,0	1,0	1,8	4,8	00012345678910	0123456789
39	15138043	Trần Thánh Nghĩa	DH15TD			0,0	1,0	1,5	2,5	00012345678910	0123456789
40	15138045	Bùi Minh Nhật	DH15TD			1,0	1,5	4,0	6,5	00012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 39. Số sinh viên vắng: 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ kỹ thuật ứng dụng (207132) - 002_DH15TD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 03/01/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi PV315 Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15138046	Lê Minh Nhật	DH15TD			1,8	1,5	5,0	8,3	001234567890	0123456789
2	15138047	Phạm Thị Đức	DH15TD			1,5	1,5	4,8	7,8	001234567890	0123456789
3	15138048	Phạm Thanh Phong	DH15TD			1,5	2,0	5,0	8,5	001234567890	0123456789
4	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD			0,5	1,0	3,0	4,5	001234567890	0123456789
5	15138049	Nguyễn Hoàng Quân	DH15TD			1,0	1,0	2,0	4,0	001234567890	0123456789
6	15138052	Nguyễn Quốc Quyền	DH15TD			1,5	0,5	2,5	4,5	001234567890	0123456789
7	15138053	Vũ Tiến Sang	DH15TD			1,0	2,0	2,5	5,5	001234567890	0123456789
8	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD			1,0	1,0	1,0	3,0	001234567890	0123456789
9	15138055	Nguyễn Tiến Sỹ	DH15TD							001234567890	0123456789
10	15138056	Dương Thành Tâm	DH15TD			1,3	1,0	2,0	4,3	001234567890	0123456789
11	15138057	Nguyễn Minh Tâm	DH15TD							001234567890	0123456789
12	15138058	Lê Quốc Thái	DH15TD			1,3	2,0	5,5	8,8	001234567890	0123456789
13	15138059	Phạm Hồng Thái	DH15TD			1,25	1,5	2,25	5,0	001234567890	0123456789
14	15138060	Lê Quốc Thắng	DH15TD			1,0	0,5	3,3	4,8	001234567890	0123456789
15	15138061	Phan Thị Mạnh	DH15TD			1,0	1,25	3,25	6,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204199



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Cơ kỹ thuật ứng dụng (207132) - 002_DH15TD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 03/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV315

Giảng viên: Vương Thành Tiên

Lớp DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm 10
16	15138062	Nguyễn Hữu Thiên	DH15TD			1,5	2,0	3,5	7,0	001234567890	0123456789
17	15138063	Trần Duy Thiệu	DH15TD			1,8	1,5	3,0	6,3	001234567890	0123456789
18	15138064	Nguyễn Phước Toàn	DH15TD			1,0	1,5	3,3	5,8	001234567890	0123456789
19	15138065	Nguyễn Tấn Thịnh	DH15TD			1,3	1,0	1,0	3,3	001234567890	0123456789
20	15138066	Nguyễn Minh Thuận	DH15TD			1,5	1,5	4,3	7,3	001234567890	0123456789
21	14138098	Huỳnh Quốc Thông	DH14TD			1,25	1,5	3,75	6,5	001234567890	0123456789
22	15138067	Nguyễn Đình Thông	DH15TD							001234567890	0123456789
23	15138069	Nguyễn Trần Nghĩa Trọng	DH15TD			1,0	0,0	1,0	2,3	001234567890	0123456789
24	15138070	Nguyễn Đình Lâm Tú	DH15TD							001234567890	0123456789
25	15138071	Nguyễn Đình Tùng	DH15TD							001234567890	0123456789
26	15138072	Lê Thúc Vĩnh	DH15TD							001234567890	0123456789
27	13138023	Trần Văn Vượng	DH15TD			2,0	1,8	3,5	6,3	001234567890	0123456789
28	15138073	Nguyễn Hoàng Xuyên	DH15TD							001234567890	0123456789

(cấm thi)